

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển, muốn đứng vững trên thị trường thì phải có những chiến lược kinh doanh cụ thể, rõ ràng. Những thông tin tài chính là vô cùng quan trọng để doanh nghiệp có thể đưa ra những giải pháp cũng như chiến lược tối ưu nhất nhằm kinh doanh hiệu quả và thu được lợi nhuận cao nhất. Vậy làm thế nào để thấy rõ tình hình tài chính của doanh nghiệp? Chính là nhờ vào các thông tin của hệ thống kế toán trong mỗi doanh nghiệp tập hợp, thu thập và xử lý cung cấp thông tin cho tất cả các đối tượng có quan tâm. Đó chính là tầm quan trọng của thông tin kế toán.

Qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ, em đã hiểu sâu hơn về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng. Từ những kiến thức đã học và thực tế tìm hiểu, em quyết định chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ”** cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung bài khóa luận ngoài lời mở đầu và phân kết luận gồm :

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư Sao Đỏ.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư Sao Đỏ.

Qua bài khóa luận này em rất mong nhận được sự góp ý trao đổi kiến thức của các thầy cô giáo và các anh chị kế toán của Công ty để giúp khóa luận của em hoàn thiện hơn và có thể nâng cao kiến thức cho bản thân.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Trịnh Thị Hạnh

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

Tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có một vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với mỗi doanh nghiệp mà còn đối với các đối tượng khác như là các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

- Đối với mỗi doanh nghiệp: Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Đối với các nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Để từ đó đưa ra những quyết định có nên đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

- Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra quyết định có nên cho vay hay không đối với doanh nghiệp đó.

- Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Nó giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng; là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định; là nguồn để có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác, trường hợp doanh thu không đủ đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu sẽ đi tới phá sản.

- Vai trò quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Cũng xuất phát từ doanh thu mà ta mới đi đến việc xác định được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung, trong việc xác định lượng hàng hóa tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế trong kỳ nói riêng của doanh nghiệp. Xác định đúng kết quả giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra các chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh đối với doanh nghiệp là một việc hết sức cần thiết, giúp người quản lý nắm bắt

được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp chủ yếu thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và tình hình biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo tiêu chuẩn số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đơn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

1.1.3 Các khái niệm cơ bản :

1.1.3.1 Doanh thu

Doanh thu : Là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bao gồm :

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, “**Doanh thu và thu nhập**” khác ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả (5) điều kiện sau :

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;

- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng :

- Bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho của các doanh nghiệp). Bán hàng trực tiếp còn bao gồm bán buôn và bán lẻ, trong đó:

+ Bán buôn: Là các quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn nằm trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện hoàn toàn. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và được quyền sở hữu tiền tệ.

- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao thì số hàng này mới được coi là tiêu thụ. Bán hàng theo phương thức này gồm hai loại bán buôn và bán lẻ, song phương thức giao hàng không tại kho hoặc đơn vị sản xuất mà giao tại bên mua hoặc tại các cửa hàng tiêu thụ.

- Bán hàng qua đại lý: Về bản chất, bán hàng theo phương thức này là bán theo phương thức chuyển hàng. Song, trong trường hợp này, bên giao phải trả cho bên đại lý một khoản tiền gọi là tiền hoa hồng đại lý.

- Bán hàng trả góp: Thực chất của phương thức bán hàng này là bán hàng trực tiếp kết hợp với nghiệp vụ cho khách hàng vay vốn. Vì vậy, tiền thu được từ quá

trình bán hàng phải chia làm hai phần: Phần doanh thu bán hàng (tính theo giá bán tính tiền một lần) và doanh thu từ hoạt động tài chính (phần lãi cho khách hàng trả góp).

- Bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng: Nghĩa là doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả trên thị trường rồi dùng số tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này, doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

- Bán hàng theo phương thức tiêu thụ sản phẩm nội bộ: Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

- Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

+ Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

+ Xác định được chi phí phát sinh giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiêu thụ nội bộ : Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Các khoản giảm trừ doanh thu:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai qui cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Hàng bán bị trả lại :Là số hàng đã được coi là tiêu thụ(đã chuyển quyền sở hữu,đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền)nhưng lại bị người mua từ chối thanh toán và trả lại cho người bán vi phạm cam kết,vi phạm hợp đồng kinh tế,hàng bị kém,mất phẩm chất,không đúng chủng loại,quy cách.Giá trị của hàng bị

trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh giảm doanh thu thuần của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

-Thuế tiêu thụ đặc biệt :Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất,kinh doanh,nhập khẩu các mặt hàng,dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như rượu,bia,thuốc lá...

-Thuế xuất khẩu :Được đánh vào tất cả các mặt hàng,dịch vụ trao đổi với nước ngoài,khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam.Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

-Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp :Là số thuế gián thu tính trên khoản giá trị gia tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất,lưu thông đến người tiêu dùng là người chịu thuế.

Doanh thu thuần : Là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Doanh thu hoạt động tài chính : Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được liên quan tới hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán.Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng,lãi do cho vay vốn,lãi bán hàng trả chậm,lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn,dài hạn,cổ tức và lợi nhuận được chia,thu từ cho thuê quyền sở hữu,sử dụng tài sản,cho thuê cơ sở hạ tầng,thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản,chiết khấu thanh toán được hưởng,thu nhập khác có liên quan đến hoạt động tài chính.

Thu nhập khác : bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu từ thanh lý,nhượng bán tài sản cố định thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng...

1.1.3.2 Chi phí

Theo chuẩn mực 01 “ Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo quyết định 165/2002/QĐ/BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì :

Chi phí : Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho

cổ đông hoặc chủ sở hữu. Chi phí bao gồm :

Giá vốn hàng bán : Là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ. Bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận bán hàng... và các chi phí dịch vụ mua ngoài khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn công ty. Bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định... và các chi phí bằng tiền khác.

Chi phí hoạt động tài chính : Là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán; chi phí lãi vay, vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn; chi phí hoạt động liên doanh; chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn;.....

Chi phí khác : Là các khoản chi phí của hoạt động khác ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm :

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Các khoản chi phí khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp :

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế đánh trên thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế} * \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Chi phí thuế TNDN bao gồm :chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm,là căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp năm tài chính.

1.1.3.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh: Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm :

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Lợi nhuận từ hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Trong đó :

Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	+	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	+	Lợi nhuận từ hoạt động khác
---------------------------------------	---	--	---	----------------------------------	---	-----------------------------

Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
--	---	---	---	------------------	---	------------------------------

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận từ	Doanh thu	Chi phí
hoạt động	= hoạt động	- hoạt động
Tài chính	tài chính	tài chính

Lợi nhuận từ hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Lợi nhuận sau	Tổng lợi	Chi phí thuế
thuế thu nhập	= nhuận kế toán	- thu nhập
doanh nghiệp	trước thuế	doanh nghiệp

1.2 Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01/GTKT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14-BH)
- Thẻ quầy hàng (Mẫu 15-BH)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng...)
- Các chứng từ có liên quan khác như : phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại...

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Kết cấu của TK 511 :

Bên nợ :

+ Các khoản giảm doanh thu bán hàng (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bị trả lại)

+ Số thuế xuất khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số thành phẩm được xác định trong kỳ.

+ Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911-xác định kết quả kinh doanh.

Bên có : Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ.

TK 511 không có số dư cuối kỳ, tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp 2 :

- + TK5111: Doanh thu bán hàng hoá
- + TK5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- + TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + TK5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + TK5117: Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư
- + TK5118 : Doanh thu khác

Tài khoản 512: Doanh thu bán hàng nội bộ

Kết cấu của TK 512

Bên nợ :

- Phản ánh trị giá hàng bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong nội bộ.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa đã bán nội bộ

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911 – xác định kết quả kinh doanh

Bên có: Doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư, tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2 :

TK5121 : Doanh thu bán hàng hóa

TK5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

TK521- Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại. (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

Kết cấu của TK521:

Bên nợ: Chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên có: Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK511 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

TK521 không có số dư, tài khoản 521 gồm 3 tài khoản cấp 2 :

TK 5211: Chiết khấu hàng hóa

TK 5212: Chiết khấu thành phẩm

TK 5213: Chiết khấu dịch vụ

TK531- Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bán bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán ra trong kỳ báo cáo.

Kết cấu của TK 531 :

Bên nợ: Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

Bên có: Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ của TK511 hoặc TK512 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư

TK532 - Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp nhận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn (Giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất ...

Kết cấu của TK532 :

Bên nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng do hàng kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên có : Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK511 hoặc 512 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 532 không có số dư

Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Tài khoản này phản ánh các quan hệ của doanh nghiệp với nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước trong kỳ kế toán năm.

Kết cấu của TK333 :

Bên nợ:

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá

Bên có:

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

TK333 có 9 tài khoản cấp 2, trong đó để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng 3 tài khoản cấp 2 :

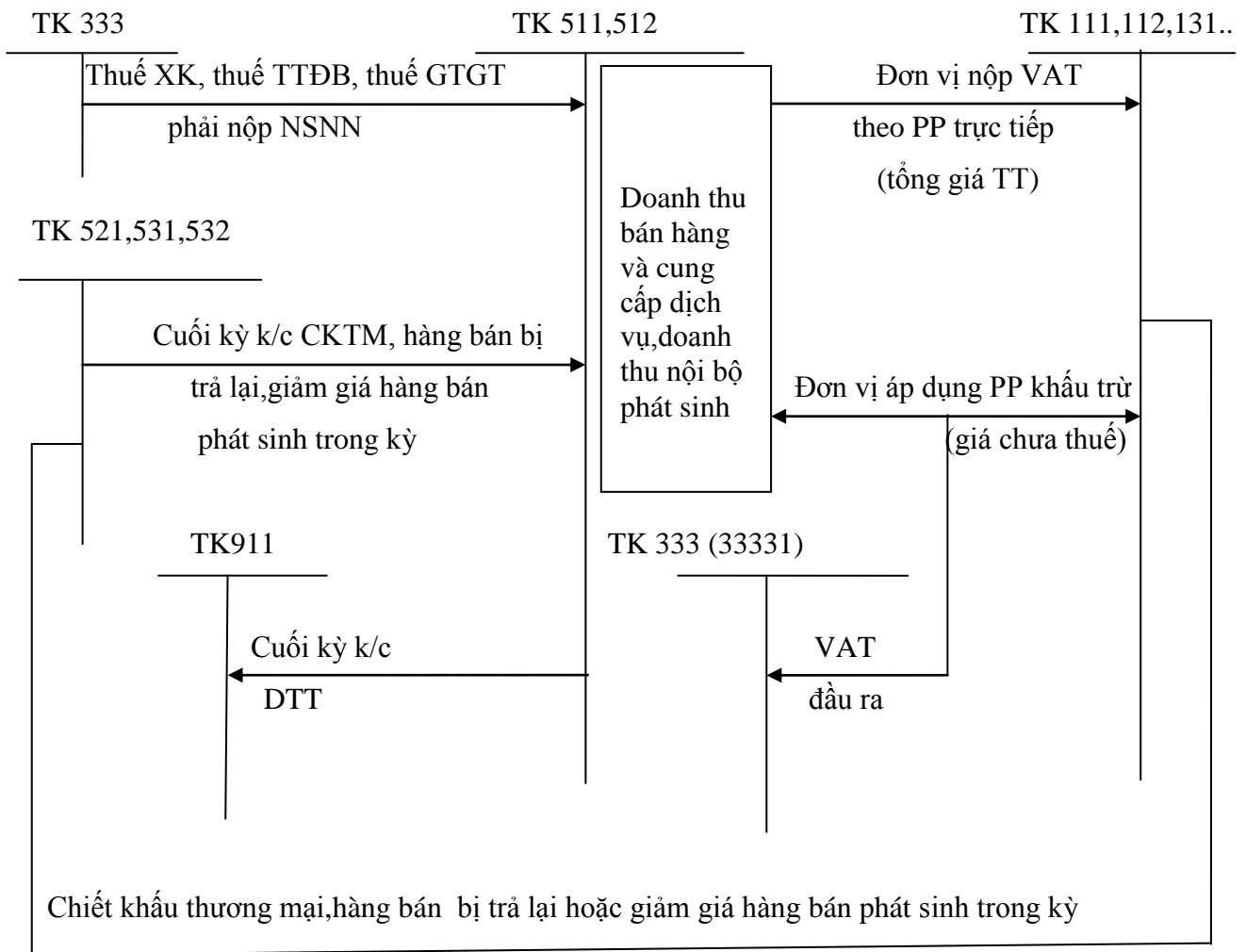
- Tài khoản 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp

- Tài khoản 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Tài khoản 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.1

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.



1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Hóa đơn bán hàng thông thường

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

TK632 “ Giá vốn hàng bán”

Kết cấu TK632 theo phương pháp kê khai thường xuyên :

Bên nợ

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đó bên trong kỳ
- + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ được tính vào giá vốn.
- + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐHH tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn năm trước chưa sử dụng hết)

Bên có:

- + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đó bên trong kỳ sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh
- + Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BDS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- + Hoàn thành dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đó lập năm trước)
- + Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 không có số dư

Kết cấu TK632 theo phương pháp kiểm kê định kỳ :

Bên nợ :

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ
- Trích lập số dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành

Bên có :

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ TK511
- Hoàn thành giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính

Tài khoản 632 không có số dư

Doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ còn sử dụng TK631

Tài khoản 631-Giá thành sản xuất

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn...trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Kết cấu TK 631:

Bên nợ: + Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ.

+ Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên có: + Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632- Giá vốn hàng bán

+ Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

Tài khoản 631 không có số dư

1.2.2.3 Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Doanh nghiệp có thể sử dụng các phương pháp sau để xác định trị giá vốn của hàng xuất kho:

- Phương pháp bình quân gia quyền:

Khi tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền ta có thể áp dụng một trong hai cách tính sau:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này khá đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ. Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm lớn là công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Trị giá hàng xuất kho theo phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):**

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):**

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

Như vậy với phương pháp này, chi phí của lần mua gần nhất sẽ tương đối sát với trị giá vốn của hàng thay thế. Việc thực hiện phương pháp này sẽ đảm bảo được yêu cầu của nguyên tắc phù hợp trong kế toán. Tuy nhiên, trị giá vốn của hàng tồn kho cuối kỳ có thể không sát với giá thị trường của hàng thay thế.

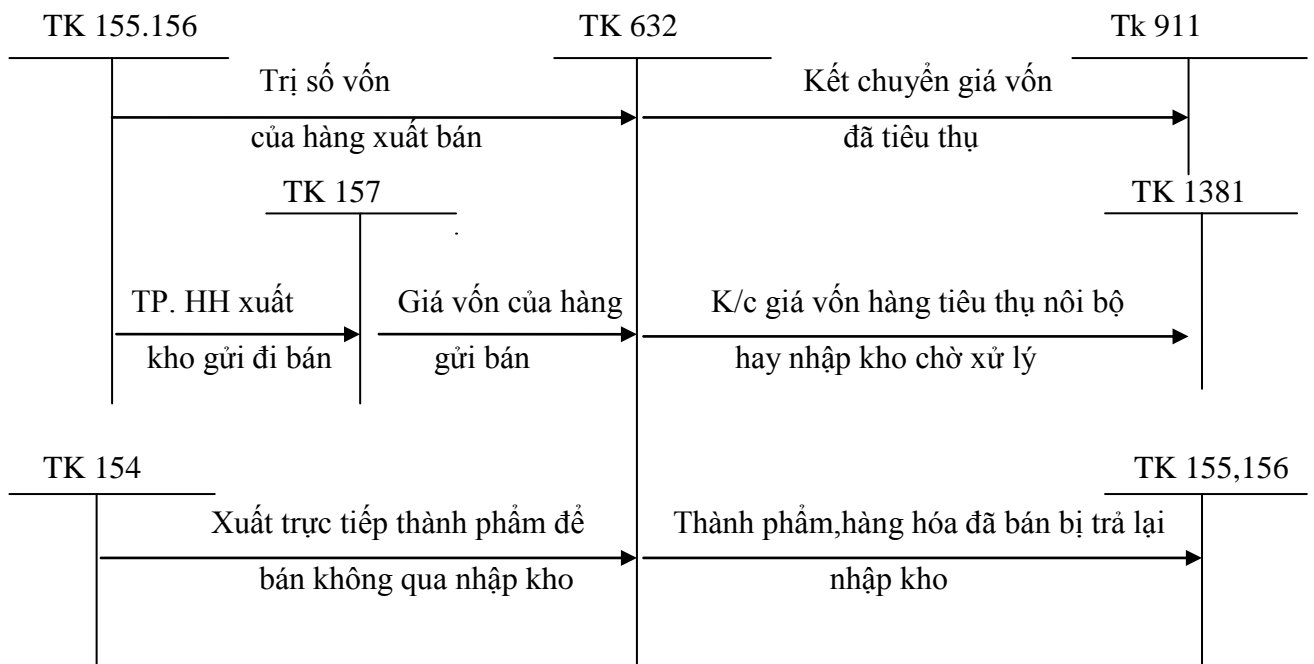
- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó. Phương pháp này thích hợp với những hàng hoá giá trị cao gắn với những đặc điểm riêng của nó.

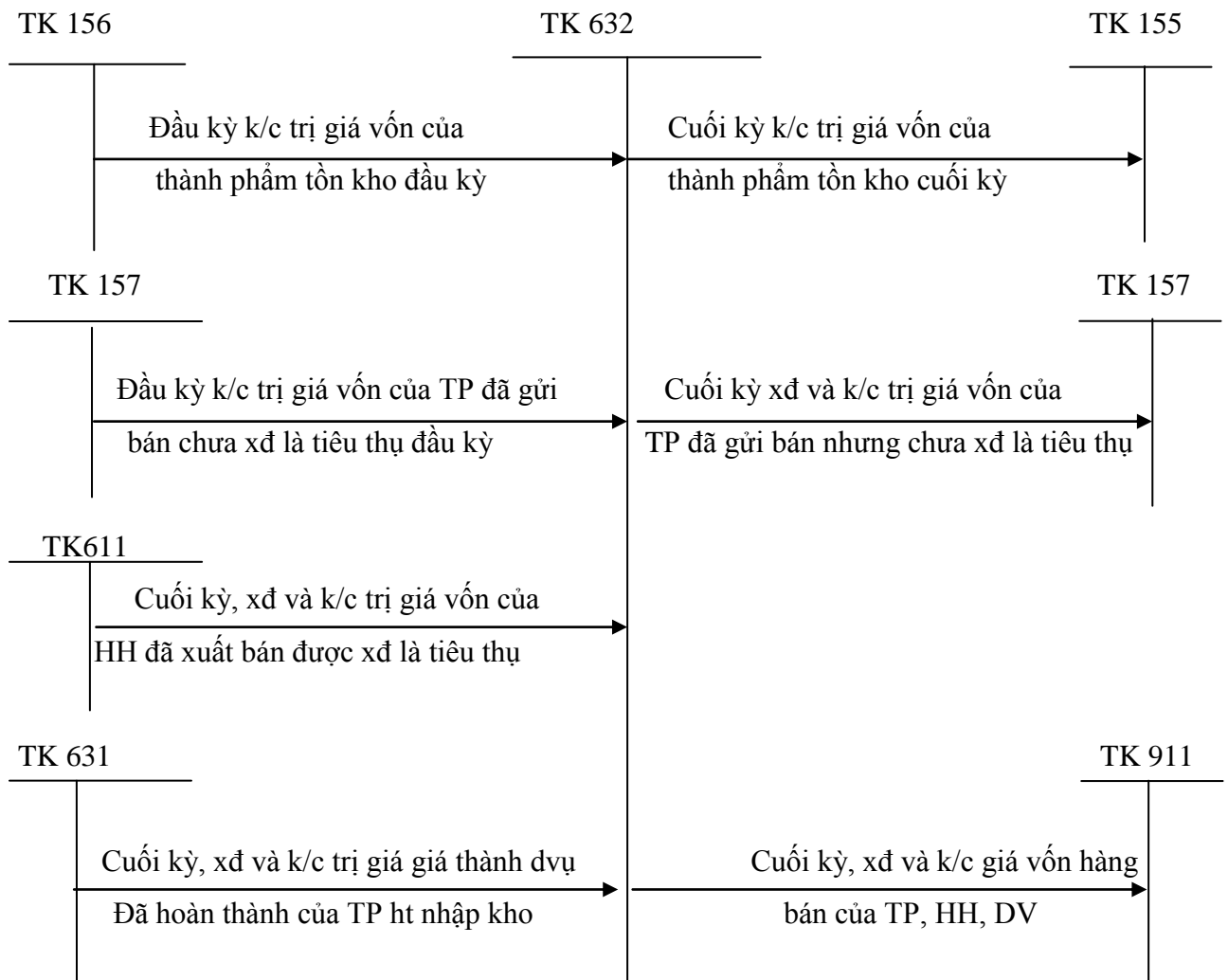
1.2.2.4 Phương pháp hạch toán :

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo 2 phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ thể hiện qua sơ đồ 1.2 và sơ đồ 1.3

Sơ đồ 1.2: Hạch toán giá vốn bán hàng theo phương pháp KKTX



Sơ đồ 1.3: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11- LĐTL)
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06- TSCĐ)
- + Bảng phân bổ NVL – CCDC (Mẫu số 07- VT)
- + Các chứng từ gốc liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để tập hợp và kết chuyển chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu TK 641:

Bên nợ: Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Bên có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản K642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản này dùng để tập hợp và kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí khác liên quan đến hoạt động chung của doanh nghiệp.

Kết cấu TK 642:

Bên nợ: Tập hợp chi phí QLDN thực tế phát sinh trong kỳ

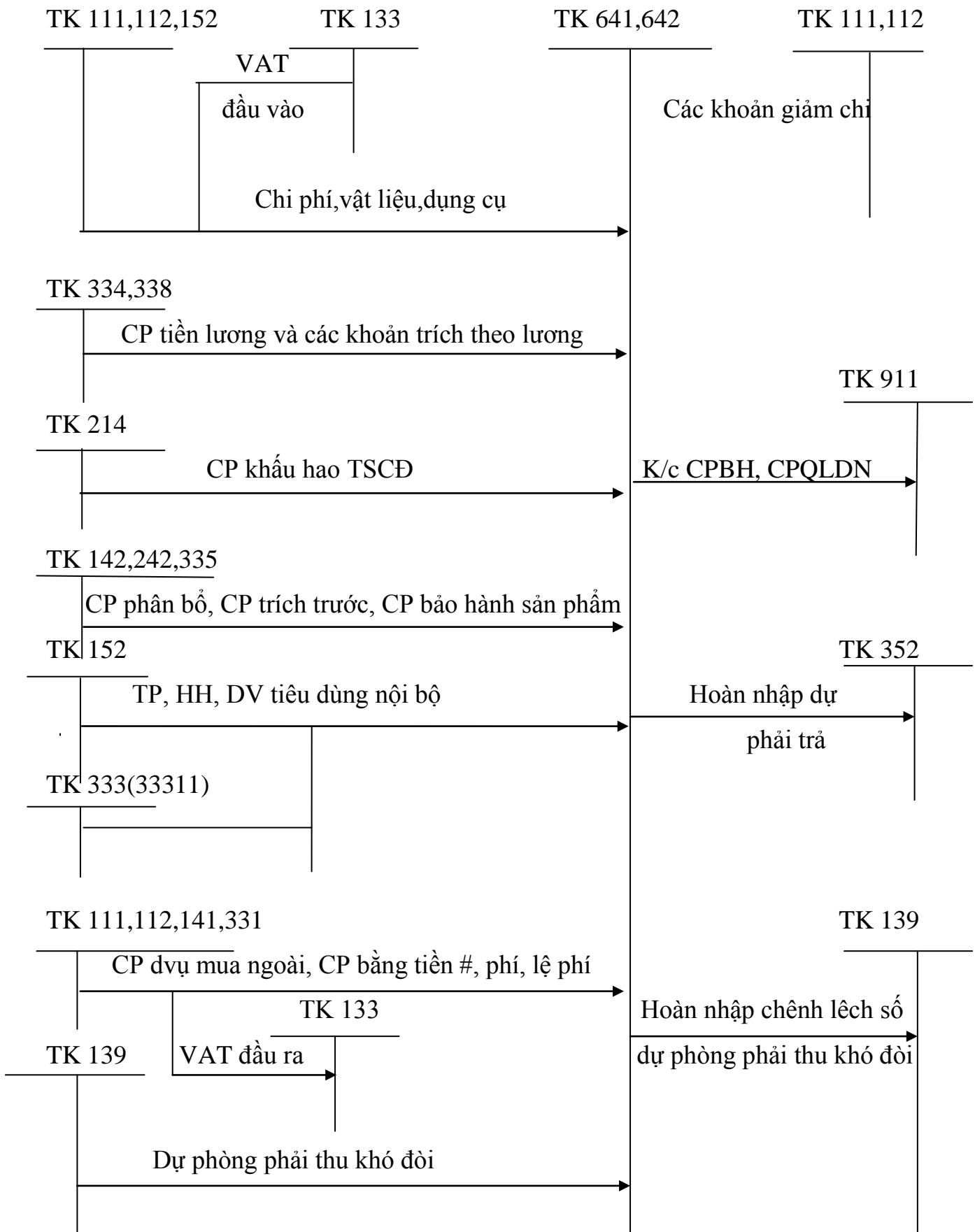
Bên có: + Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp
+ Kết chuyển CPQLDN trong kỳ vào bên nợ TK 911.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN được thể hiện qua sơ đồ 1.4.

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí bán hàng và chi phí QLDN



1.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Các hợp đồng vay vốn
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác: phiếu thu, phiếu chi...

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỉ giá hối đoái... phát sinh của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 515

- Bên nợ: + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911

Bên có: + Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia

+ Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

+ Chiết khấu thanh toán được hưởng

+ Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh

+ Lãi tỷ giá hối đoái do đáng giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

+ Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đó hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 635: Chi phí tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Kết cấu tài khoản này như sau:

Bên nợ: + Chi phí lãi tiền vay, mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính

+ Chiết khấu thanh toán cho người mua

+ Các khoản chi phí tài chính khác

Bên có: + Các khoản giảm chi phí tài chính

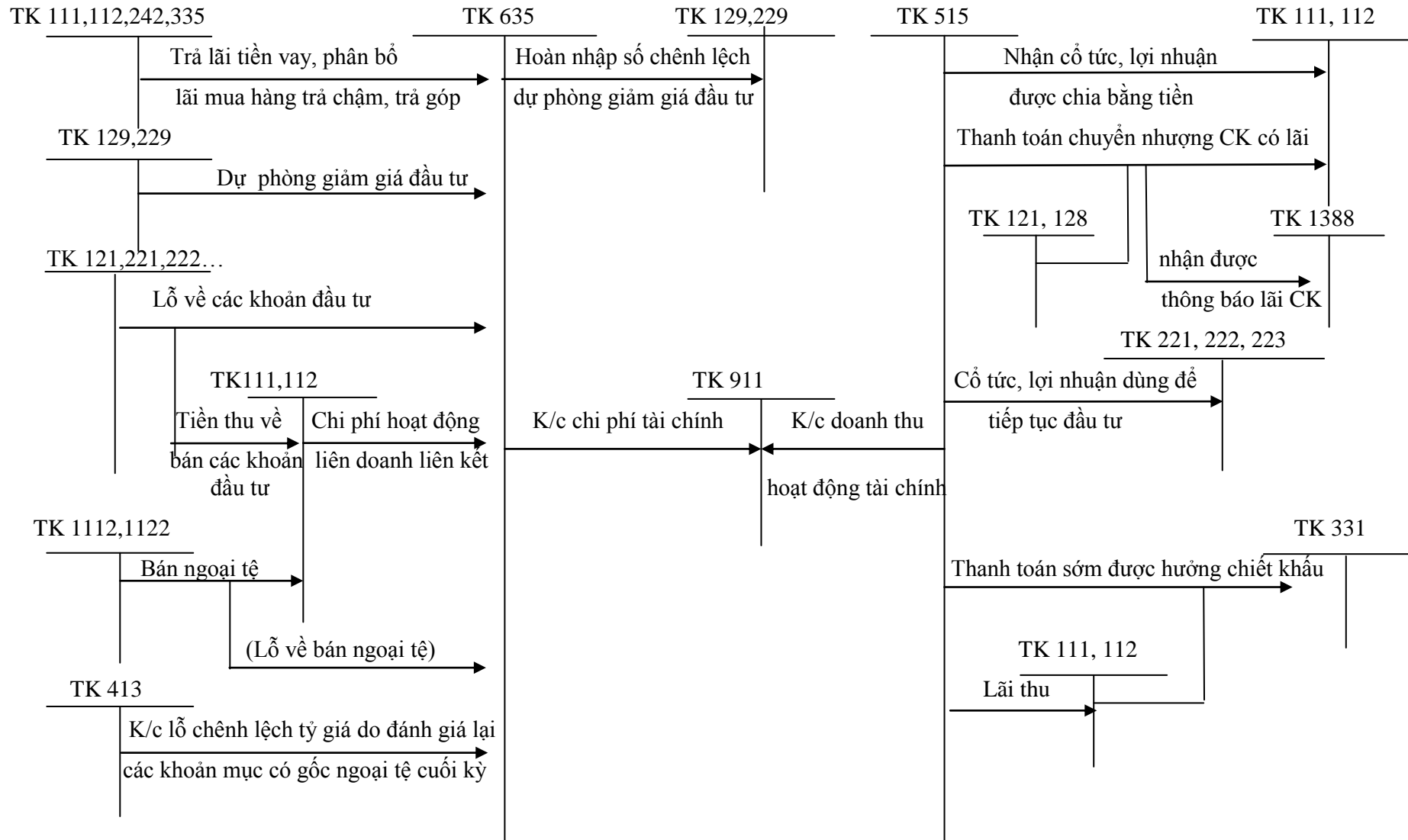
+ Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.5

Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ hạch toán doanh thu và chi phí tài chính:



1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng mua bán
- Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ...

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 - Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu TK 711:

Bên nợ:

+ Số thuế GTGT phải nộp(nếu có) tính theo pp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác của doanh nghiệp nộp thuế theo pp trực tiếp

+ Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh sang 911

Bên có: Các tài khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 811 - Chi phí khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Kết cấu TK 811:

Bên nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

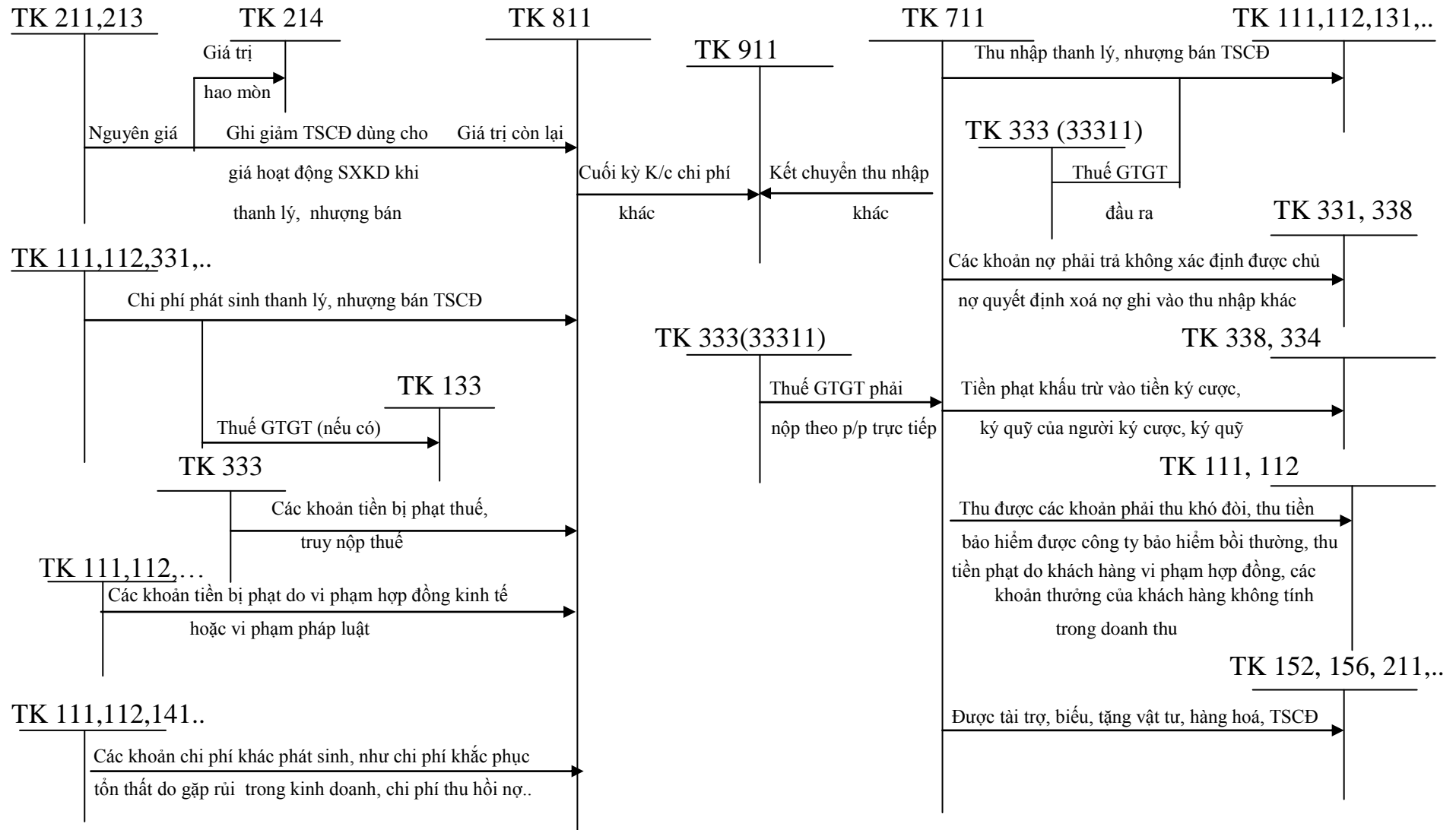
Bên có: Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác trong kỳ vào 911

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác thể hiện qua sơ đồ 1.6

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập và chi phí khác



1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Kết cấu TK 911:

Bên nợ: + Trị giá vốn sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ

+ CPBH, CPQLDN

+ Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác

+ Kết chuyển lãi sau thuế

Bên có: + Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hóa, lao vụ dịch vụ hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ

+ Doanh thu hoạt động tài chính

+ Thu nhập khác, khoản ghi giảm CP thuế thu nhập doanh nghiệp

+ Kết chuyển lỗ

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Kết cấu TK 821

Bên nợ: + Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm

+ Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Bên có: + Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm

+ Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

+ Kết chuyển chi phí thuế TNDN sang TK 911- Xác định KQKD

Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân chia LN hoặc xử lý lỗ của DN.

Kết cấu TK 421:

Bên nợ: + Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

+ Trích lập các quỹ của doanh nghiệp

+ Chi cổ tức lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.

+ Bổ sung nguồn vốn kinh doanh

+ Nộp lợi nhuận lên cấp trên

Bên có: + Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ

+ Số lợi nhuận cấp dưới nộp, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù

+ Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

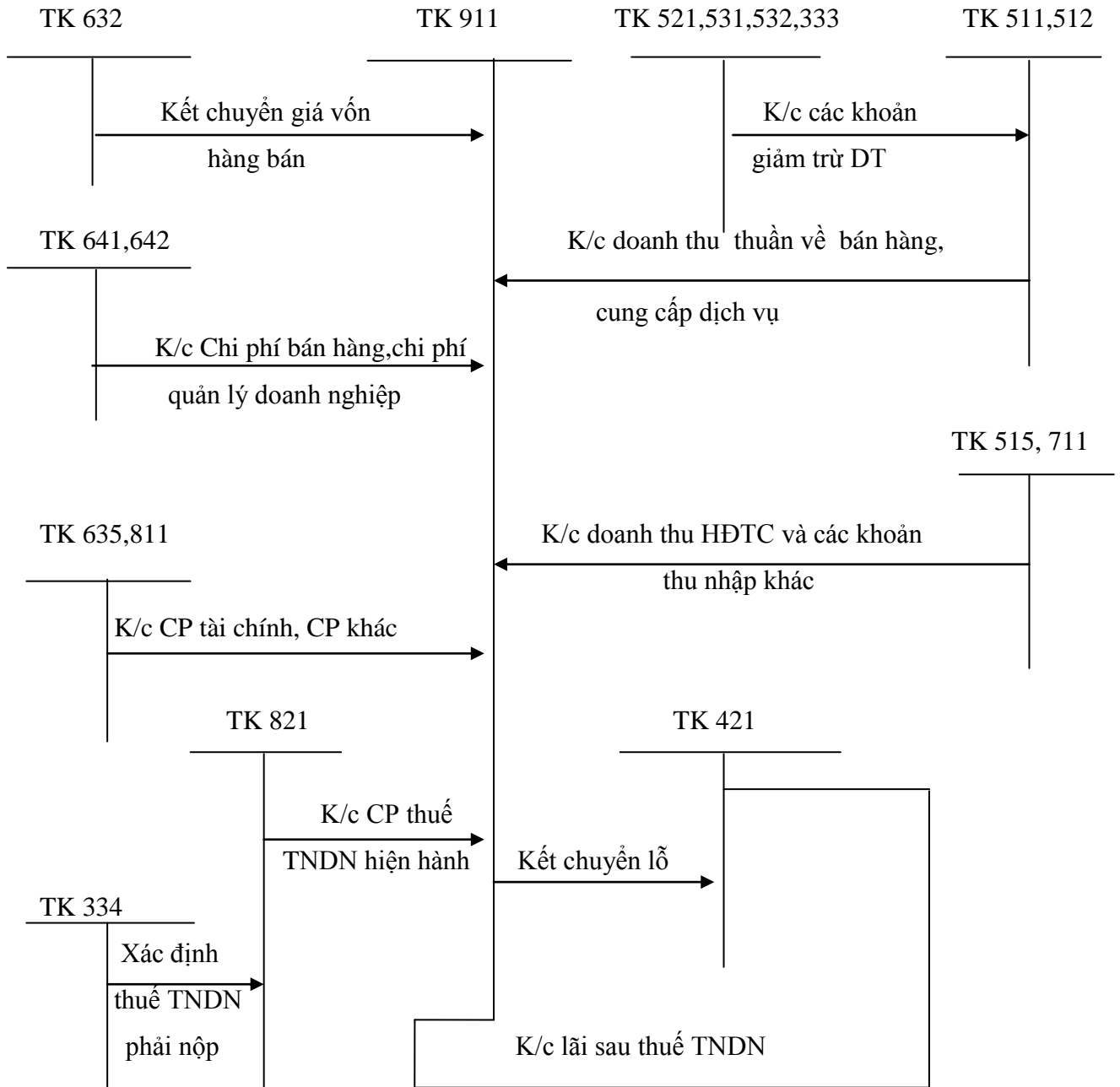
- Số dư bên nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý

- Số dư bên có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ 1.7

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Đỏ :

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Đỏ
- Tên giao dịch đối ngoại : SaoDo Investment Joint Stock Company
- Tên viết tắt : SaoDo.,JSC
- Trụ sở Công ty : Km 1+400 Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại : 031.3814866 Fax : 031.3581688
- Email : info@saodo-hp.com Website : www.saodo-hp.com
- Mã số thuế : 0200457209

Công ty được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 13 tháng 03 năm 2002 với tên sơ khai là công ty TNHH TM Sao Đỏ, theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0202000620 do sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp lần đầu với số vốn điều lệ là 5.400.000.000 đồng (năm tỷ bốn trăm triệu đồng).

Là doanh nghiệp mới thành lập, ban lãnh đạo công ty cũng đã ý thức được tầm quan trọng trong nhận thức về nâng cao hiệu quả kinh tế và chất lượng tăng trưởng. Ngày 01 tháng 04 năm 2004, công ty TNHH TM sao đỏ đăng ký lại giấy phép kinh doanh để nâng tổng số vốn điều lệ lên 38.000.000.000 đồng (ba mươi tám tỷ) đồng thời cũng nâng số thành viên góp vốn công ty lên 10 người.

Cuối năm 2005, công ty quyết định chuyển đổi loại hình công ty nhằm đưa công ty phát triển theo một mô hình mới: công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ, với hướng đi này nhằm tạo ra một diện mạo mới cho công ty đưa công ty phát triển vững mạnh thêm một bước, bắt kịp tốc độ hiện đại hóa-đô thị hóa của thành phố.

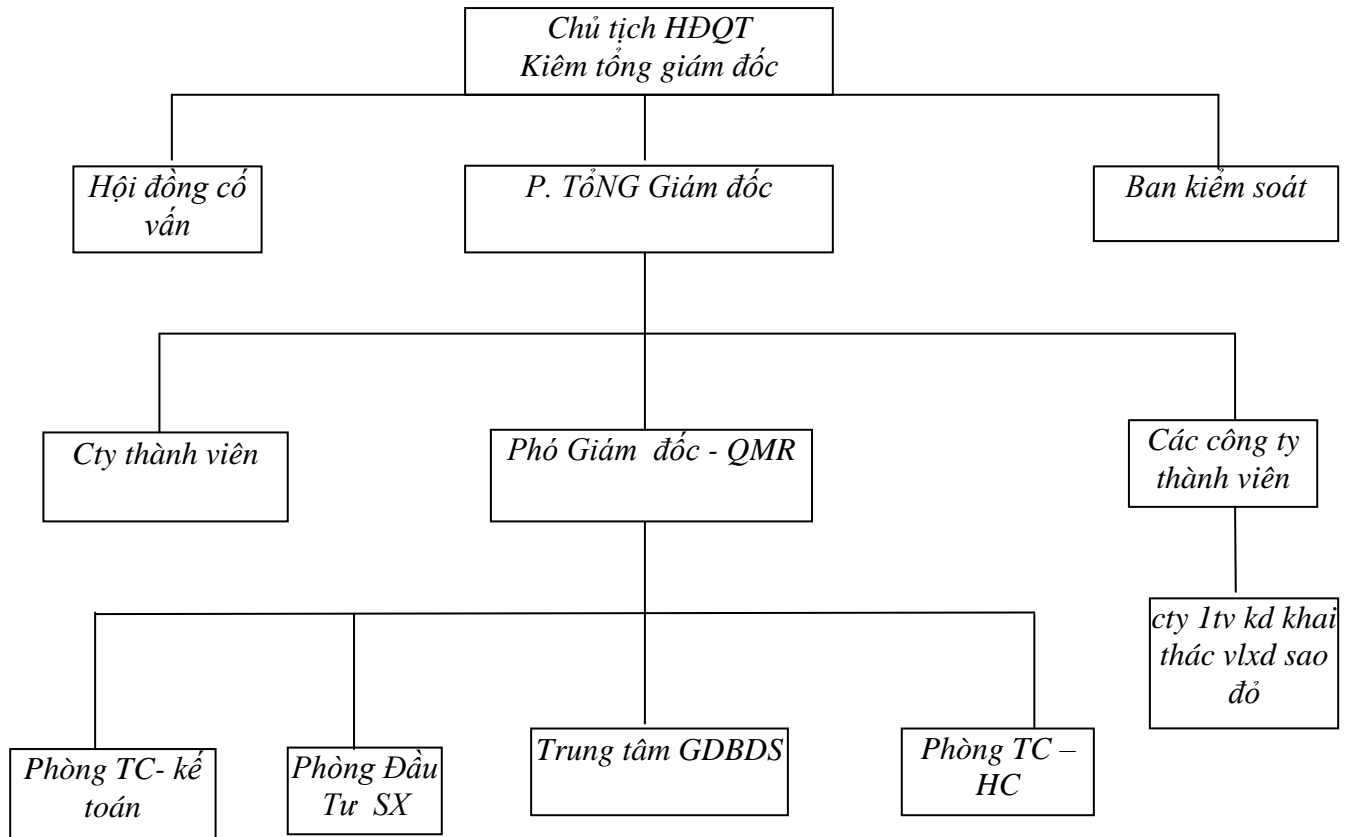
Ngành nghề kinh doanh :

- Xây dựng và kinh doanh công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi và nhà ở.
- Giao dịch, đầu tư và kinh doanh bất động sản.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, được thể hiện thông qua sơ đồ 2.1 như sau :

Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Chức năng nghiệp vụ từng bộ phận:

Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị :

- Chủ tịch hội đồng quản trị là người quyết định các hoạt động của Công ty về: đường lối, chính sách tầm vĩ mô, tổ chức, kế hoạch, quản lý kinh tế, phù hợp với định hướng và chiến lược của Công ty.

- Là người chịu trách nhiệm cao nhất ký các quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, các ban QUẢN LÝ DỰ ÁN tại nơi khác theo đúng quy định của pháp luật.

- Là người ra quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh quản lý: Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc và kế toán trưởng trong Công ty.

• Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ của Công ty và Luật doanh nghiệp.

Đối với Ban Kiểm soát:

• Ban Kiểm soát là tổ chức thay mặt các cổ đông trong Công ty để kiểm tra tính hợp pháp quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

• Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm.

• Các Kiểm soát viên tự đề cử một người là Trưởng ban kiểm soát.

• Sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên các Kiểm soát viên thực hiện việc kiểm soát quá trình triển khai và hoàn tất các thủ tục thành lập hoặc thay đổi Công ty.

Đối với Tổng giám đốc công ty

• Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty, là người đứng đầu Công ty và chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị và các cơ quan hữu quan về bảo toàn và phát triển vốn thực hiện theo phương án sản xuất, kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và thông qua, về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đối với các chức danh Phó tổng giám đốc công ty

Phó tổng giám đốc do Tổng giám đốc hoặc Chủ tịch hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người giúp việc cho Tổng giám đốc công ty hoạch định chiến lược, kế hoạch ngắn hạn và dài hạn, tham gia vào xây dựng bộ máy tổ chức, phương thức quản lý. Tùy theo tình hình thực tế, Tổng giám đốc công ty có thể uỷ quyền cụ thể cho Phó tổng giám đốc công ty phụ trách một số công việc.

Đối với Phòng Đầu tư sản xuất :

Tổng giám đốc công ty có thể điều hành mọi hoạt động của phòng dự án sản xuất theo từng kế hoạch và chiến lược của công ty đã đề ra.

Đối với Trung tâm giao dịch Bất động sản:

Giám đốc Trung tâm giao dịch bất động sản (TTGDBĐS) hoặc các chức danh tương đương (Phó tổng giám đốc công ty điều hành trực tiếp mọi hoạt động của TTGDBĐS - Phòng kinh doanh theo từng kế hoạch và chiến lược của Tổng giám đốc - Chủ tịch Hội đồng quản trị.)

Phó giám đốc TTGDBĐS hoặc các chức danh tương đương (Phó tổng giám đốc Công ty có thể uỷ quyền cho Trưởng phòng kinh doanh thay mình điều hành phòng kinh doanh theo đúng đường lối, kế hoạch mà Tổng giám đốc - Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị thông qua, phê chuẩn.

Đối với Phòng kế toán :

Có thể nói phòng kế toán là cánh tay phải giúp việc cho giám đốc doanh nghiệp. Họ phải theo dõi thu chi, cân bằng tài chính trong công ty và có nhiệm vụ báo cáo với giám đốc công để giám đốc có thể nắm được tình hình tài chính của doanh nghiệp mình đang có chiều hướng đi lên hay ngược lại để có kế hoạch điều chỉnh.

Đối với Phòng Tổ chức hành chính

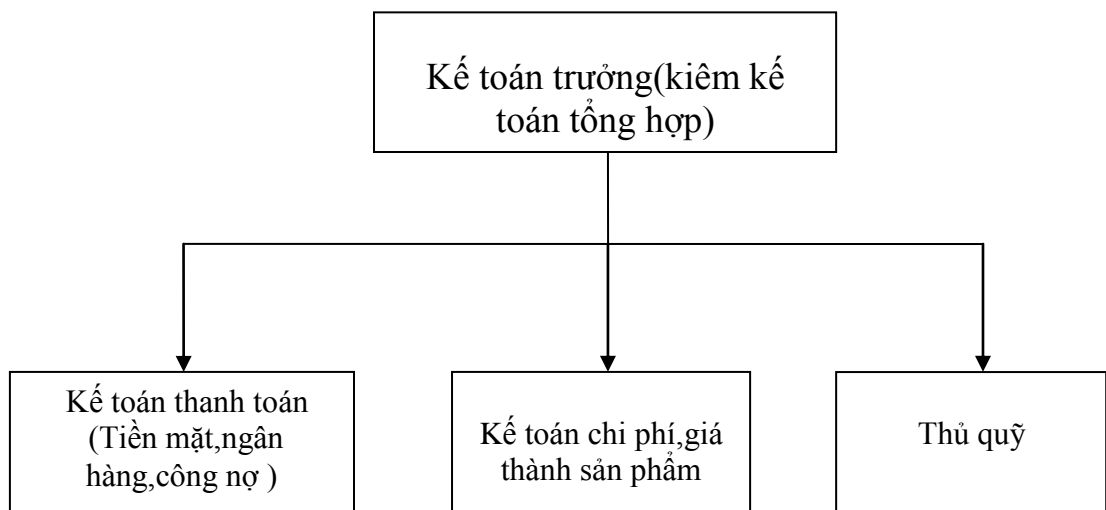
Có nhiệm vụ quản lý toàn bộ nhân lực con người trong công ty, thực hiện chính sách của Đảng Nhà nước, đối với cán bộ công nhân viên đảm bảo quyền lợi cho công nhân, sắp xếp bố trí thay đổi nhân lực sao cho phù hợp với sức khỏe và tay nghề của từng người.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty :

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán :

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, thể hiện thông qua sơ đồ 2.2 như sau :

Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán



- Kế toán trưởng :có mối liên hệ trực tuyến với các Kế toán viên thành phần,có năng lực điều hành và tổ chức.Kế toán trưởng liên hệ chặt chẽ với phó Giám Đốc Kinh doanh,tham mưu cho Giám Đốc về các chính sách Tài chính,Kế toán của công ty,ký duyệt các tài liệu Kế toán,phổ biến chủ trương và chỉ đạo thực hiện chủ trương về chuyên môn hoá, đồng thời yêu cầu các bộ phận chức năng khác trng bộ máy quản lý ở đơn vị cùng phối hợp thực hiện những công việc chuyên môn có liên quan tới các bộ phận chức năng.

- Kế toán viên : chịu sự chỉ đạo trực tiếp về nghiệp vụ của Kế toán trưởng,trao đổi trực tiếp với kế toán trưởng về các vấn đề có liên quan đến nghiệp vụ cũng như về chế độ Kế toán,chính sách Tài chính của Nhà nước.

- Thủ quỹ : quản lý tiền mặt của công ty,hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi tiền mặt để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt,ghi sổ quỹ phần thu chi.Sau đó tổng hợp đối chiếu thu chi với kế toán có liên quan.

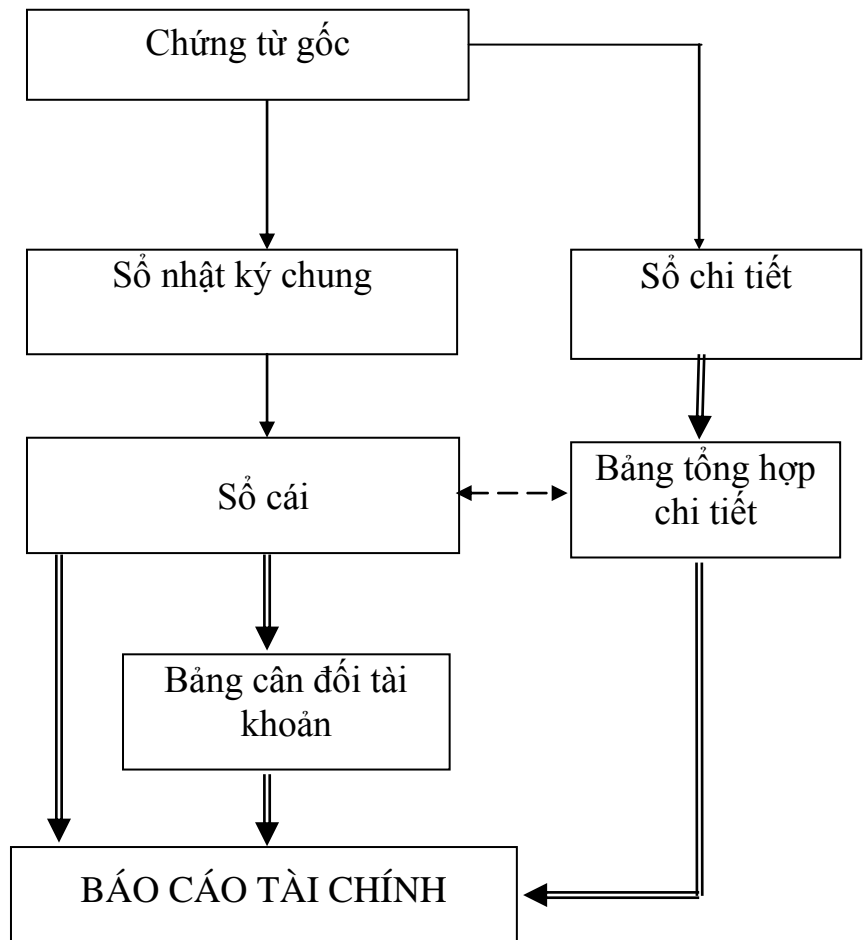
2.1.3.2 Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản tại công ty

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ tài khoản kế toán ban hành theo QĐ số 15/2006 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.

2.1.3.3 Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại công ty :

Công ty đang sử dụng hệ thống sổ sách kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Sơ đồ 2.3 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



- Ghi chú
- Ghi hàng ngày
 - ==→ Ghi cuối kỳ
 - ←- - -> Đối chiếu, kiểm tra

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung:

Căn cứ vào chứng từ gốc, sau khi đã kiểm tra tính hợp lệ hợp pháp, kế toán tiến hành định khoản và ghi trực tiếp vào Nhật ký chung

Các chứng từ liên quan đến tiền, quỹ ghi vào sổ quỹ cuối ngày kèm chứng từ gốc để kế toán ghi vào sổ nhật ký chung

Hàng ngày & định kỳ, căn cứ vào NKC kế toán lấy số liệu ghi vào sổ cái các tài khoản

Các nghiệp vụ kế toán cần quản lý chi tiết cụ thể, kế toán ghi vào sổ kế toán chi tiết.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ kế toán chi tiết, lập bảng chi tiết sổ phát sinh, căn cứ vào sổ cái lập bảng CĐTK

Căn cứ vào bảng CĐTK và bảng chi tiết sổ phát sinh, lập các BCKT.

2.1.3.4 Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính tại công ty:

Báo cáo tài chính: Là những báo cáo tổng hợp về tình trạng tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong từng kỳ kế toán. Những báo cáo này được soạn thảo và công bố định kỳ nhằm cung cấp những thông tin cần thiết cho việc điều hành quản lý hoạt động của doanh nghiệp

Có 4 loại :

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B 01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu số B 02 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B 03 – DN)
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B 09 – DN)

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ

2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng tại công ty

Doanh thu bán hàng tại công ty bao gồm:

- Doanh thu bán nhà chông mộc
- Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất...

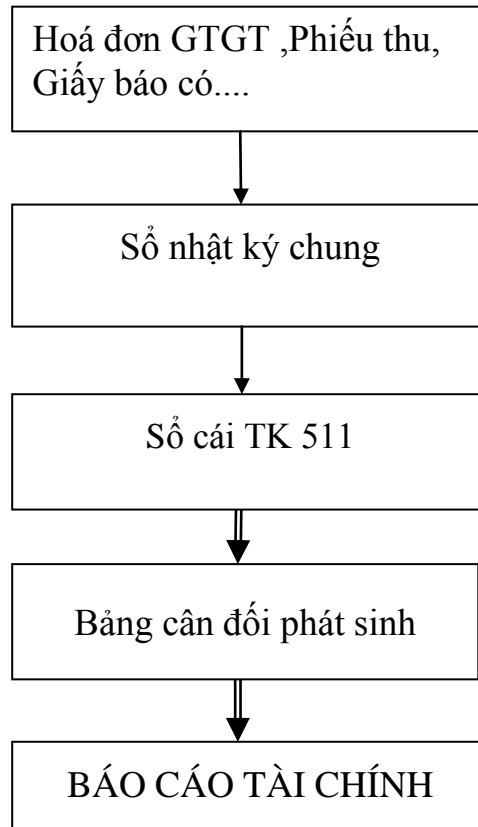
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01/GTKT – 3LL)
- Phiếu thu
- Phiếu kế toán...

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 111,112,131,3331...

2.2.1.4 Quy trình hạch toán:



Hàng ngày căn cứ vào hóa đơn GTGT, Phiếu thu... kế toán sẽ vào sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung kế toán sẽ lập sổ cái các Tk 511, 632, 131, 112... Cuối kỳ từ sổ cái kế toán vào bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 01: Ngày 31/12 Hạch toán doanh thu chuyển quyền sử dụng đất lô 11/BT1 Căn cứ hóa đơn giá trị gia tăng số 64, **(biểu 2.1)**, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung **(biểu 2.2)**. Từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK511 **(biểu 2.3)**

Biểu 2.2: Trích sổ nhật ký chung quý 4 năm 2011

Đơn vị: Công ty cổ phần Đầu Tư Sao Đỏ
Địa chỉ: Km1+400, Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
.....
31/12	HĐ0000063	31/12	Hạch toán doanh thu nhà lô 10/BT1	131 511 3331	855.500.000	777.727.273 77.772.727
31/12	PK268	31/12	Giá vốn nhà lô 10/BT1	632 1567	730.501.923	730.501.923
31/12	HĐ0000064	31/12	Hạch toán doanh thu CQSD đất lô 11/BT1	131 511	1.419.000.000	1.419.000.000
31/12	PK269	31/12	Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất lô 11/BT1	632 1567	1.225.500.000	1.225.500.000
.....
31/12	PK 280	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 4	511 911	23.404.806.660	23.404.806.660
31/12	PK 281	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng hóa, biệt thự thành phẩm quý 4	911 632	20.944.663.240	20.944.663.240
.....
			Tổng cộng	x	800.039.536.469	800.039.536.469

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.3 : Trích sổ cái TK 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ			Mẫu số S03b-DN			
Địa chỉ: Km1+400, Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng			(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)			
SỔ CÁI						
Năm :2011						
Tên TK : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ						
Số hiệu : 511						
NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Phát sinh quý 4/2011			
.....
31/12	HĐ000 0063	31/12	Hạch toán doanh thu nhà lô 10/BT1	131		777.727.273
31/12	HĐ000 0064	31/12	Hạch toán doanh thu CQSD đất lô 11/BT1	131		1.419.000.000
.....
31/12	PK280	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 4	911	23.404.806.660	
			Cộng số phát sinh quý 4	x	23.404.806.660	23.404.806.660

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần đầu tư Sao Đỏ

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng :

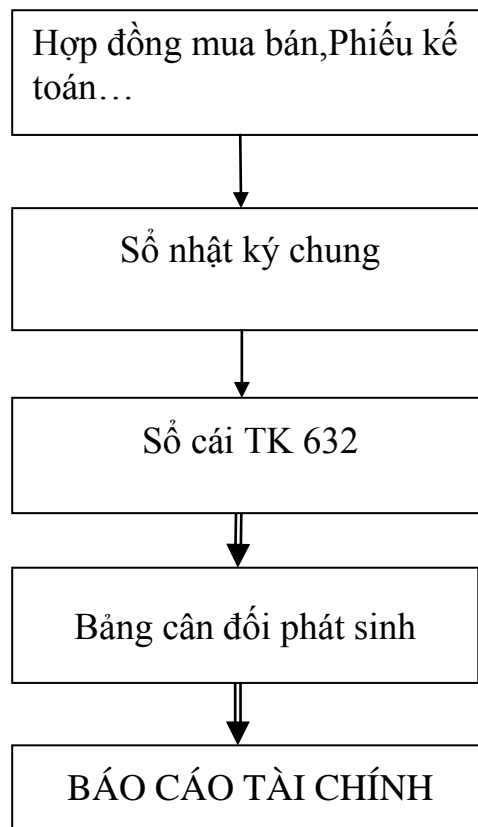
- Hóa đơn GTGT đầu ra
- Hợp đồng bán nhà
- Phiếu kế toán

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng :

TK632 : Giá vốn hàng bán

TK156 : Hàng hóa

2.2.2.3 Quy trình hạch toán :



Ví dụ 02 : Minh họa tiếp giá vốn hàng bán từ ví dụ 01.

Căn cứ vào phiếu kế toán, (biểu 2.4) kế toán sẽ vào sổ nhật ký chung, (biểu 2.5), vào sổ cái TK 632, (biểu 2.6). Cuối kỳ kế toán thực hiện thao tác kết chuyển TK 632 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Biểu 2.4 : Phiếu kế toán số 269

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ Km1+400 Phạm Văn Đồng - Anh Dũng - HP PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Số: 269			
Tài khoản		Nội dung	Số phát sinh
Nợ	Có		
632	1567	Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất lô 11/BT1	1.225.500.000
		Cộng	1.225.500.000
Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Người lập phiếu (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.5 : Trích sổ nhật ký chung quý 4 năm 2011

Mẫu số S03a-DN

Đơn vị: Công ty cổ phần Đầu Tư Sao Đỏ
Địa chỉ: Km1+400, Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....
31/12	HĐ0000063	31/12	Hạch toán doanh thu nhà lô 10/BT1	131 511 3331	855.500.000	777.727.273 77.772.727
31/12	PK268	31/12	Giá vốn nhà lô 10/BT1	632 1567	730.501.923	730.501.923
31/12	HĐ0000064	31/12	Hạch toán doanh thu CQSD đất lô 11/BT1	131 511	1.419.000.000	1.419.000.000
31/12	PK269	31/12	Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất lô 11/BT1	632 1567	1.225.500.000	1.225.500.000
.....
31/12	PK 280	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 4	511 911	23.404.806.660	23.404.806.660
31/12	PK 281	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng hóa, biệt thự thành phẩm quý 4	911 632	20.944.663.240	20.944.663.240
.....
			Tổng cộng	x	800.039.536.469	800.039.536.469

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.6 : Trích sổ cái TK632-Giá vốn hàng bán

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ
Địa chỉ: Km1+400, Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên TK : Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Phát sinh quý 4/2011			
.....
31/12	PK268	31/12	Giá vốn nhà lô 10/BT1	1567	730.501.923	
31/12	PK269	31/12	Giá vốn CQSD đất lô 11/BT1	1567	1.225.500.000	
31/12	PK270	31/12	Giá vốn CQSD đất lô 12/BT1	1567	1.320.000.000	
.....
31/12	PK281	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng hóa,biệt thự thành phẩm quý 4	911		20.944.663.240
			Cộng số phát sinh quý 4	x	20.944.663.240	20.944.663.240

Người ghi sổ
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty Cổ phần đầu tư Sao Đỏ

Chi phí bán hàng tại công ty là toàn bộ chi phí tiếp khách, hội nghị...

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty là toàn bộ chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN của nhân viên quản lý doanh nghiệp, các chi phí vật liệu văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý, thuế phải nộp, các dịch vụ mua ngoài...

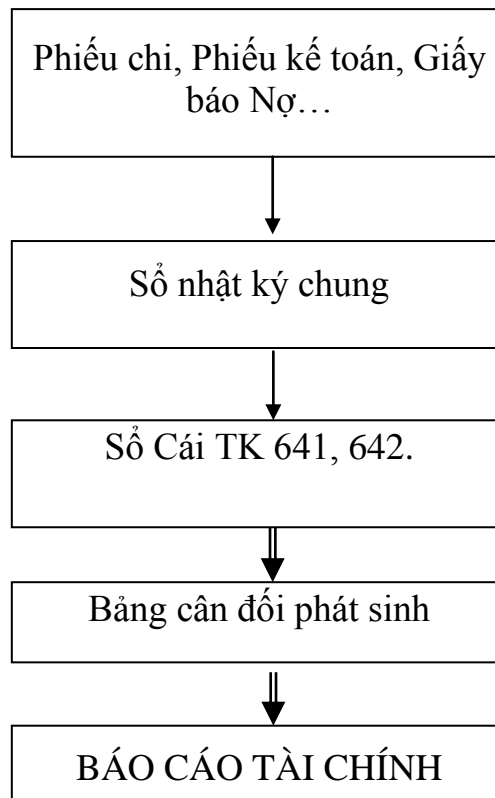
2.2.3.1 Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng :

- TK641 : Chi phí bán hàng
- TK642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.2.3 Quy trình hạch toán :



Ghi chú :

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối kỳ

Ví dụ 03: Ngày 27/12/2011 Công ty CP đầu tư Sao Đỏ thanh toán tiền điện phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp cho Công ty TNHH MTV điện lực Hải Phòng bằng tiền mặt, số tiền 16.186.588 đồng.

Căn cứ vào hoá đơn tiền điện T11/2011 và phiếu chi ,Kế toán hạch toán:

Nợ TK642 : 14.800.732

Nợ TK133: 1.480.073

Có TK111: 16.280.805

Căn cứ vào hóa đơn GTGT (**Biểu 2.7,biểu 2.8**),phiếu chi,(**Biểu 2.9**)...kế toán hạch toán và ghi sổ Nhật ký chung,(**Biểu 2.10**),kế toán vào sổ cái TK 642 (**Biểu 2.11**)

Biểu 2.10 : Trích sổ nhật ký chung quý 4 năm 2011

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ Địa chỉ: Km1+400, Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng				Mẫu số S03a-DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2011						
Đơn vị tính :đồng						
NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....
03/10	HĐ00 00012	03/10	Hạch toán doanh thu nhà chồng mộc B33/ADI	131 511 3331	1.226.445.000	1.114.950.000 111.495.000
.....
19/12	PC58	19/12	Đình Thị Hòa tạm ứng chi phí hành chính	141 111	6.200.000	6.200.000
20/12	PC59	20/12	Đình Thị Hòa, thanh toán tiền tiếp khách	642 111	129.000	129.000
.....
27/12	PC80	27/12	Thanh toán tiền điện T11/2011 cho bộ phận quản lý doanh nghiệp	642 133 111	14.800.732 1.480.073	16.280.805
.....
31/12	PK282	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4	911 642	1.175.005.248	1.175.005.248
.....
31/12	PK284	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4	911 641	850.160.195	850.160.195
.....
			Tổng cộng	x	800.039.536.469	800.039.536.469
Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Người ghi sổ (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	

Biểu 2.11 : Trích sổ cái TK642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ Địa chỉ: Km1+400, Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng			Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)			
SỔ CÁI Năm 2011 Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp Số hiệu: 642						
NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Phát sinh quý 4/2011			
.....
15/10	PC19	15/10	Lại Thị Tân thanh toán tiền truyền hình cáp tháng 09/2011	111	118.182	
.....
20/12	PC59	20/12	Đình Thị Hòa, thanh toán tiền tiếp khách	111	129.000	
..
27/12	PC80	27/12	Thanh toán tiền điện tháng 11/2011 cho bộ phận quản lý doanh nghiệp	111	14.800.732	
.....
31/12	PK28 2	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4	911		1.175.005.248
			Cộng số phát sinh quý 4	x	1.175.005.248	1.175.005.248
Người ghi sổ (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	

2.2.4 Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần đầu tư Sao Đỏ

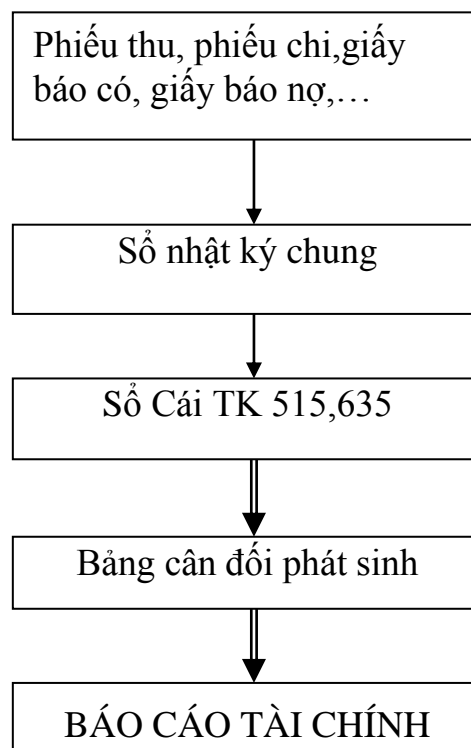
2.2.4.1 Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Giấy báo Có
- Giấy báo Nợ

2.2.4.2 Tài khoản sử dụng:

- TK 515 – Doanh thu tài chính
- TK 635 – Chi phí tài chính
- TK 111, 112,

2.2.4.3 Quy trình hạch toán:



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối kỳ

Ví dụ 04: Ngày 25/12/2011 Công ty CP đầu tư Sao Đỏ nhận được Giấy báo có của Ngân hàng Á châu 925.204 đồng về tiền lãi nhận được.

Căn cứ vào giấy báo có (**Biểu 2.12**), kế toán vào sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.13**), sau đó vào sổ cái TK515 (**Biểu 2.14**)

Biểu 2.12 :Giấy báo có

Ngân hàng Á Châu	GIẤY BÁO CÓ	
Chi nhánh :ACB-PGD TD PLADZA	Ngày 25/12/2011	Mã GDV :
		Mã KH :10444
		Sở GD :
	Kính gửi : Công ty CPĐT Sao Đỏ	
	Mã số thuế : 0200457259	
Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau :		
Số TK ghi có : 3410099		
Số tiền bằng số : 925,204.00		
Số tiền bằng chữ : Chín trăm hai mươi lăm ngàn hai trăm lẻ bốn đồng chẵn		
Nội dung : Lãi nhập vốn		
Giao dịch viên		Kiểm soát

Biểu 2.13 : Trích Sổ nhật ký chung quý 4 năm 2011

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ Địa chỉ: Km1+400, Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng				Mẫu số S03a-DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2011						
Đơn vị tính :đồng						
NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....
03/10	HĐ000 0012	03/10	Hạch toán doanh thu nhà chõng mợc B33/ADII	131 511 3331	1.226.445.000	1.114.950.000 111.495.000
....
19/12	PC58	19/12	Đinh Thị Hòa tạm ứng chi phí hành chính	141 111	6.200.000	6.200.000
20/12	PC59	20/12	Đinh Thị Hòa, thanh toán tiền tiếp khách	642 111	129.000	129.000
....
25/12	GBC 2512	25/12	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12/2011	112 515	925.204	925.204
....
27/12	PC80	27/12	Thanh toán tiền điện T12/2011 cho bộ phận quản lý doanh nghiệp	642 133 111	14.800.732 1.480.073	16.280.805
...
31/12	PK283	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	515 911	9.125.965	9.125.965
...
Tổng cộng				x	800.039.536.469	800.039.536.469
Người ghi sổ (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	

Biểu 2.14 : Trích sổ cái TK515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ Địa chỉ: Km1+400, Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng			Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)			
<p>SỔ CÁI</p> <p>Năm :2011</p> <p>Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính</p> <p>Số hiệu : 515</p>						
NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Phát sinh quý 4/2011			
....
24/10	GBC2410	24/10	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng tháng 10/2011	112		1.321.149
....
25/12	GBC2512	25/12	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12/2011	112		925.204
...
31/12	PK283	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	911	9.125.965	
			Cộng số phát sinh quý 4	x	9.125.965	9.125.965
<p>Người ghi sổ (Ký, họ tên)</p>			<p>Kế toán trưởng (Ký, họ tên)</p>		<p style="text-align: right;">Ngày 31 tháng 12 năm 2011</p> <p style="text-align: right;">Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)</p>	

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ

Trong năm 2011 công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác .

2.2.6 Thực trạng công tác kế toán Xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư Sao Đỏ :

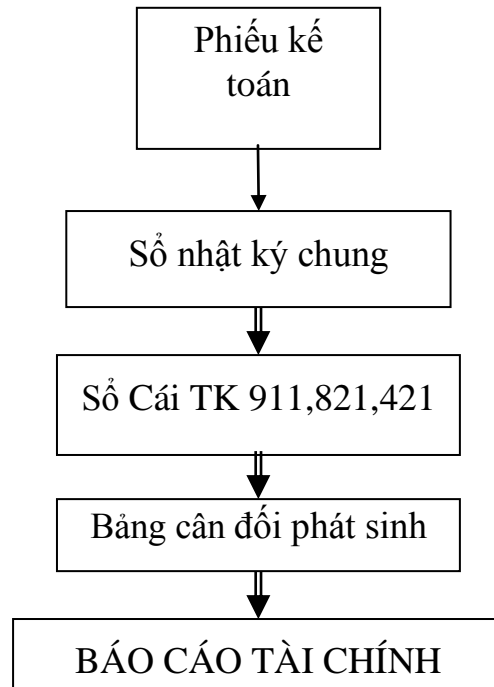
2.2.6.1 Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

2.2.6.2 Tài khoản sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

2.2.6.3 Quy trình hạch toán:

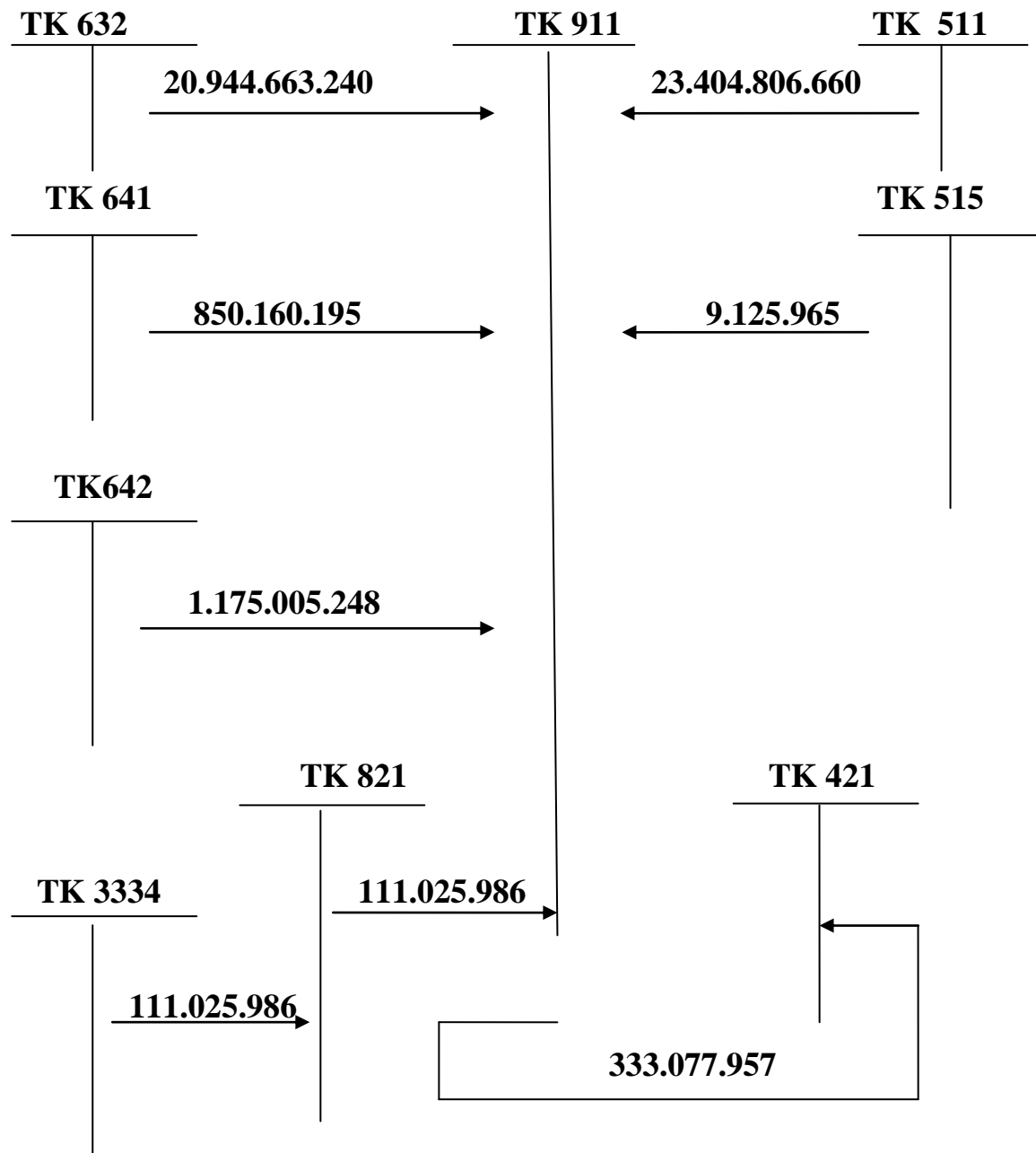


Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày

\Longrightarrow Ghi cuối kỳ

Ví dụ 03: Ngày 31/12/2011 tập hợp chi phí, xác định kết quả kinh doanh năm 2011
 Kế toán tổng hợp kết quả kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ chữ T sau.

Sơ đồ 2.4 :Sơ đồ chữ T thể hiện tổng hợp kết quả kinh doanh



Biểu 2.15 :Phiếu kế toán số 280

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ
 Km1+400 Phạm Văn Đồng - Anh Dũng – HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 280

Tài khoản		Nội dung	Số phát sinh
Nợ	Có		
511	911	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 4	23.404.806.660
Cộng			23.404.806.660

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên, đóng dấu)
--	---------------------------------------	--

Biểu 2.16 : Phiếu kế toán số 281

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ
 Km1+400 Phạm Văn Đồng - Anh Dũng - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 281

Tài khoản		Nội dung	Số phát sinh
Nợ	Có		
911	632	Kết chuyển giá vốn hàng hóa,biệt thự thành phẩm quý 4	20.944.663.240
Cộng			20.944.663.240

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên, đóng dấu)
--	---------------------------------------	--

Biểu 2.17 :Phiếu kế toán số 282

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ
Km1+400 Phạm Văn Đồng - Anh Dũng - HP

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 282

Tài khoản		Nội dung	Số phát sinh
Nợ	Có		
911	642	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4	1.175.005.248
Cộng			1.175.005.248

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị (Ký,họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên, đóng dấu)
---	---------------------------------------	--

Biểu 2.18 : Phiếu kế toán số 283

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ
Km1+400 Phạm Văn Đồng - Anh Dũng - Dương Kinh - HP

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 283

Tài khoản		Nội dung	Số phát sinh
Nợ	Có		
515	911	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	9.125.965
Cộng			9.125.965

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị (Ký,họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên, đóng dấu)
---	---------------------------------------	--

Biểu 2.19 :Phiếu kế toán số 284

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ
 Km1+400 Phạm Văn Đồng - Anh Dũng - HP

PHIẾU KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 284

Tài khoản		Nội dung	Số phát sinh
Nợ	Có		
911	641	Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4	850.160.195
Cộng			850.160.195

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên, đóng dấu)
--	---------------------------------------	--

Biểu 2.20 : Phiếu kế toán số 285

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ
 Km1+400 Phạm Văn Đồng - Anh Dũng - Dương Kinh - HP

PHIẾU KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 285

Tài khoản		Nội dung	Số phát sinh
Nợ	Có		
821	3334	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý 4	111.025.986
Cộng			111.025.986

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên, đóng dấu)
--	---------------------------------------	--

Biểu 2.21 : Phiếu kế toán số 286

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ
Km1+400 Phạm Văn Đồng - Anh Dũng - Dương Kinh - HP

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 286

Tài khoản		Nội dung	Số phát sinh
Nợ	Có		
911	821	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4	111.025.986
Cộng			111.025.986

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên, đóng dấu)
--	---------------------------------------	--

Biểu 2.12: Phiếu kế toán số 287

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ
Km1+400 Phạm Văn Đồng - Anh Dũng - Dương Kinh - HP

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 287

Tài khoản		Nội dung	Số phát sinh
Nợ	Có		
911	421	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4	333.077.957
Cộng			333.077.957

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên, đóng dấu)
--	---------------------------------------	--

Biểu 2.23 : Trích sổ nhật ký chung quý 4 năm 2011

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ
Địa chỉ: Km1+400, Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2011

Đơn vị tính :đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
		
31/12	PK280	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 4	511 911	23.404.806.660	23.404.806.660
31/12	PK281	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng hóa,biệt thự thành phẩm quý 4	911 632	20.944.663.240	20.944.663.240
31/12	PK282	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911 642	1.175.005.248	1.175.005.248
31/12	PK283	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	515 911	9.125.965	9.125.965
31/12	PK284	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4	911 641	850.160.195	850.160.195
31/12	PK285	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp quý 4	821 3334	111.025.986	111.025.986
31/12	PK286	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4	911 821	111.025.986	111.026.986
31/12	PK287	31/12	Kết chuyển lãi quý 4	911 421	333.077.957	333.077.957
			Tổng cộng	x	800.039.536.469	800.039.536.469

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24: Sổ cái TK911 - Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ
Địa chỉ: Km1+400, Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm :2011

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
PK280	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 4	511		23.404.806.660
PK281	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng hóa,biệt thự thành phẩm quý 4	632	20.944.663.240	
PK282	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4	642	1.175.005.248	
PK283	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	515		9.125.965
PK284	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4	641	850.160.195	
PK286	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4	821	111.025.986	
PK287	31/12	Kết chuyển lãi quý 4	421	333.077.957	
		Cộng số phát sinh quý 4		23.413.932.625	23.413.932.625

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.25 :Sổ cái TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ Địa chỉ: Km1+400, Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng				Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)		
<p>SỔ CÁI</p> <p>Năm :2011</p> <p>Tên TK: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>Số hiệu TK: 821</p>						
NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
31/12	PK285	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp quý 4	3334	111.025.986	
31/12	PK286	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4	911		111.025.986
			Cộng số phát sinh quý 4	x	111.025.986	111.025.986
Người ghi sổ (Ký,họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	

Biểu 2.26 : Sổ cái TK421 : Lợi nhuận sau thuế TNDN

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ Địa chỉ: Km1+400, Phạm Văn Đồng, Dương Kinh, Hải Phòng			Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)			
SỔ CÁI						
Năm :2011						
Tên TK: Lợi nhuận sau thuế TNDN						
Số hiệu TK: 421						
NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu quý 4			457.827.943
31/12	PK287	31/12	Kết chuyển lãi quý 4	911		333.077.956
			Cộng số phát sinh quý 4	x		333.077.956
			Số dư cuối quý 4	x		790.905.899
Người ghi sổ (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ.

Công ty Cổ phần đầu tư Sao Đỏ là một doanh nghiệp tuy mới thành lập nhưng luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường.

Ngày nay khi nền kinh tế thị trường ngày càng đa dạng với nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại hình công ty, nhiều phương thức kinh doanh, và sự cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt. Nếu các doanh nghiệp không thể thích nghi được với những điều kiện khắt khe đó sẽ có nguy cơ rơi vào tình trạng phá sản hoặc giải thể. Để giữ vững và phát huy những thành quả đã đạt được, công ty luôn đề ra những phương hướng giải pháp thích hợp nhằm bắt kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Điều đó có được là do công ty đã nắm bắt và phân tích đúng đắn nhu cầu thực tế.

Công ty luôn cố gắng đẩy mạnh việc tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng phạm vi hoạt động, cải thiện cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc tốt cho nhân viên. Chính vì vậy mà doanh thu hàng năm của công ty tăng lên rõ rệt. Đó chủ yếu là do sự sang tạo năng động của Ban Giám đốc và sự đoàn kết đồng lòng của các cán bộ nhân viên trong công ty.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình tận tụy của các nhân viên kế toán, em đã có điều kiện làm quen thực tế và áp dụng củng cố những kiến thức đã học tại nhà trường. Qua đó em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ.

3.1.1 Ưu điểm

3.1.1.1 Về bộ máy kế toán

Công ty đã lựa chọn mô hình kế toán tập trung phù hợp với tình hình kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Mỗi kế toán viên thực hiện nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng.

Các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế, nhiệt tình với nghề, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, vì thế công tác kế toán trong công ty đã phần nào giảm thiểu được sai sót, gian lận.

Công tác kế toán tại công ty đã phản ánh đầy đủ các hoạt động kinh tế, theo dõi chặt chẽ, chi tiết tình hình kinh doanh nói chung và tình hình doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng của từng năm.

3.1.1.2. Về hệ thống sổ sách kế toán:

Sổ sách của Công ty tương đối đầy đủ và tuân thủ các qui định, chế độ tài chính hiện hành gồm có: Nhật ký chung, Sổ Cái... Sổ sách được phản ánh, ghi chép theo đúng thời gian và nội dung kinh tế của các nghiệp vụ phát sinh. Hệ thống chứng từ và sổ sách kế toán được lưu trữ rất khoa học, thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu khi cần thiết.

3.1.1.3. Về hệ thống tài khoản:

Công ty vận dụng hệ thống tài khoản được ban hành theo quyết định 15 của Bộ tài chính một cách hợp lý, sáng tạo, phù hợp với điều kiện của Công ty nên đảm bảo bộ máy kế toán của Công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Hệ thống tài khoản Công ty sử dụng trong hạch toán các nghiệp vụ là khá chi tiết và tương đối phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty.

3.1.1.4. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ

- Việc hạch toán doanh thu, chi phí được bộ máy kế toán thực hiện tương đối chính xác, phù hợp với nguyên tắc hạch toán doanh thu, giá vốn theo các chuẩn mực kế toán qui định. Các kế toán của công ty thường xuyên cập nhật những quy định kế toán mới được ban hành để công tác kế toán trong công ty ngày càng hoàn thiện và phù hợp hơn với chế độ của nhà nước.

- Hệ thống tài khoản: Công ty sử dụng hệ thống tài khoản theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính qui định chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh.

-Hệ thống chứng từ: Kế toán Công ty sử dụng phù hợp với nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh và cơ sở pháp lý của nghiệp vụ. Mẫu chứng từ thực hiện theo quy định của bộ tài chính. Các thông tin bắt buộc trên chứng từ được ghi chép đầy đủ, có chữ ký và con dấu của những người liên quan.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, việc tổ chức công tác kế toán của công ty vẫn còn tồn tại những hạn chế sau:

Về việc sử dụng sổ sách kế toán tại công ty

Công ty không mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, giá vốn riêng cho từng loại hàng gây khó khăn cho việc theo dõi, xác định lợi nhuận của từng loại hàng. Mặt khác công ty cũng không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 642 nên không theo dõi được chi tiết từng yếu tố chi phí phát sinh cho tài khoản này.

Công ty chưa áp dụng chiết khấu thanh toán

Công ty chưa áp dụng chiết khấu thanh toán nên không có sự kích thích người mua thanh toán trước thời hạn vì thế dẫn đến tình trạng thu hồi vốn chậm, có khả năng bị chiếm dụng vốn...

Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán

Tuy công tác kế toán được thực hiện trên excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kê toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kê toán gặp không ít khó khăn.

Về quá trình luân chuyển chứng từ :

Việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, phòng ban về cơ bản là đúng trình tự. Tuy nhiên trong quá trình luân chuyển, giữa các đơn vị này không có biên bản giao nhận chứng từ, điều này sẽ gây khó khăn trong việc giải quyết và quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất, bị thất lạc.

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ

Trong cơ chế thị trường hiện nay, việc cạnh tranh gay gắt cũng như sự biến đổi liên tục của nền kinh tế dẫn đến kết quả tất yếu là các doanh nghiệp luôn phải có những chính sách hoạt động hợp lý, thích hợp, xác định đúng mục tiêu và phương hướng phát triển. Chỉ có như vậy các doanh nghiệp mới có cơ hội tồn tại. Muốn vậy các doanh nghiệp trước hết phải hoàn thiện không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý vì công cuộc đổi mới hiện nay.

Mặt khác kế toán không chỉ là công cụ mà còn góp phần tham gia việc quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc thiết lập chứng từ, ghi chép, tính toán, tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng những phương pháp khoa học. Ban quản lý công ty có thể nắm được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành của tài sản, góp phần bảo vệ sử dụng hợp lý và sử dụng hiệu quả của đơn vị mình.

3.2.2 Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng các nhu cầu sau :

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán.

Mỗi quốc gia đều có một cơ chế quản lý tài chính nhất định và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính.

- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của từng doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Hoàn thiện phải trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

3.2.3. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ

Giải pháp 1 : Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ

- Sử dụng sổ chi tiết doanh thu, giá vốn giúp kế toán nắm được doanh thu tiêu thụ và giá vốn của từng mặt hàng, từ đó xác định được lợi nhuận gộp đối với từng mặt hàng giúp nhà quản lý có thể đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp.

- Sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh giúp kế toán theo dõi được thường xuyên liên tục các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố chi phí giúp công ty quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, đưa ra biện pháp cắt giảm chi phí nếu cần thiết để góp phần tăng lợi nhuận.

Dưới đây là biểu mẫu sổ chi tiết bán hàng (**Biểu 3.1**), sổ chi phí sản xuất kinh doanh (**Biểu 3.2**) ban hành theo quyết định số 15/2006 /QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.

Đơn vị:.....

Mẫu số S35-DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.1 :Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:.....

Mẫu số S36-DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

- Tài khoản:.....

- Tên phân xưởng:.....

- Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản								
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	
			- Số dư đầu kỳ										
			- Số phát sinh trong kỳ										
			- Cộng số phát sinh trong kỳ										
			- Ghi Có TK....										
			- Số dư cuối kỳ										

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

Ngày.....tháng.....năm.....

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Với nghiệp vụ bán hàng tại ví dụ 1 trong phần 2.2.1 ngoài việc ghi chép vào các sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào các sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn cho từng mặt hàng.

Cụ thể : Kế toán căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 64 để vào sổ chi tiết bán hàng (**Biểu 3.3**), căn cứ vào PK269 kế toán vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 632 (**Biểu 3.4**)

Với nghiệp vụ kinh tế liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán tiến hành vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642 (**Biểu 3.5**), để theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh cho chi phí quản lý doanh nghiệp.

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ
 Địa chỉ: km1+400, Phạm Văn Đồng, Anh Dũng, Dương Kinh, Hp

Mẫu số S35-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Chuyên quyền sử dụng đất
 Năm: 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu		
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền
A	B	C	D	E	1	2	3
.....
31/12	HĐ00000063	31/12	Chuyển quyền sử dụng đất lô 10/BT01 cho ông Trần Huy Khoa.	131	582,7	11.000.000	6.410.000.000
31/12	HĐ00000064	31/12	Chuyển quyền sử dụng đất lô 11/BT01 cho ông Phạm Văn Hùng.	131	129	11.000.000	1.419.000.000
31/12	HĐ00000065	31/12	Chuyển quyền sử dụng đất lô 12/BT01 cho ông Phạm Văn Quang.	131	144	11.000.000	1.584.000.000
.....
		31/12	Cộng số phát sinh quý 4				
			Doanh thu thuần				
			Giá vốn hàng bán				
			Lãi gộp :				

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
 Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu 3.3 : Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ
 Địa chỉ: km1+400, Phạm Văn Đồng, Anh Dũng, Dương Kinh, Hp

Mẫu số S36-DN
 (Ban hành theo **QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ SẢN XUẤT
Tên TK632- giá vốn hàng bán
Năm:2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 632		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng tiền	Số lượng	Đơn giá
.....
31/12	PK268	31/12	Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất lô10/BT1 cho ông Trần Huy Khoa.	131	5.535.650.000	582,7	9.500.000
31/12	PK269	31/12	Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất lô 11/BT1 cho ông Phạm Văn Hường.	131	1.225.500.000	129	9.500.000
31/12	PK270	31/12	Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất lô12/BT1 cho ông Phạm Văn Quang.	131	1.368.000.000	144	9.500.000
.....
		31/12	Cộng số phát sinh				

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi số
 (Ký, họ tên)

Kê toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu 3.4 : Sổ chi tiết sản xuất kinh doanh dùng cho TK632

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ
 Địa chỉ: km1+400, Phạm Văn Đồng, Anh Dũng, Dương Kinh, Hp

Mẫu số S36-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
Tài khoản :642-Chi phí quản lý doanh nghiệp
Năm: 2011

Đơn vị tính : đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Ghi nợ TK 642				
	Số hiệu	Ngày tháng				6421	6422	6423	6427	6428
			Số phát sinh trong kỳ							
...
02/12	PC47	02/12	TT tiền cước điện thoại TGD tháng 11/2011	111	503.737		503.737			
.....
26/12	PC79	26/12	TT tiền văn phòng phẩm T12/2011	111	1.692.000			1.692.000		
27/12	PC80	27/12	TT tiền điện sinh hoạt T11/2011	111	14.800.732				14.800.732	
				1331	1.480.073				1.480.073	
.....
30/12	PC89	30/12	TT tiền tiếp khách	111	205.000					205.000
31/12	BLT12	31/12	Chi phí tiền lương	334	87.780.000	87.780.000				
31/12		31/12	K/C sang TK911	911						
			Cộng số phát sinh							

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi số
 (Ký, họ tên)

Kê toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu 3.5 : Sổ chi phí sản kinh doanh dùng cho TK642

Giải pháp 2 : Hoàn thiện quá trình luân chuyển chứng từ

Quá trình luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban của công ty còn chậm trễ, các chứng từ được dồn lại và được chuyển đến phòng kế toán vào cùng thời điểm, điều này gây ra nhiều ứ đọng, làm tăng khối lượng công việc cho kế toán tại phòng kế toán công ty, khi hạch toán dễ nhầm lẫn, sai sót.

Vì vậy, công ty nên có những quy định hợp lý về thời gian luân chuyển chứng từ để việc thực hiện hạch toán được nhanh chóng, kịp thời và chính xác.

Ngoài ra công ty có thể sử dụng mẫu biên bản giao nhận chứng từ sau, để giải quyết việc quy trách nhiệm cho cá nhân, trong trường hợp bị mất chứng từ trong quá trình luân chuyển.

Mẫu số giao nhận chứng từ :

Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ						
SỐ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ						
Từ ngày...đến ngày...tháng...năm						
Ngày, tháng Giao nhận	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
					Bên giao	Bên nhận
A	1	B	C	2	D	E
Ngày...tháng...năm						

Giải pháp 3 : Hiện đại hóa công tác kế toán

Các phần mềm kế toán luôn là công cụ hiệu quả nhất để kiểm soát và duy trì hoạt động cho “bộ não tài chính” của công ty, bởi chúng được sử dụng để phục vụ các nhu cầu quản lý kế toán như báo cáo công nợ khách hàng chi tiết và chính xác, báo cáo số lượng hàng hóa nhập - xuất - tồn kho, liệt kê danh sách khách hàng và các mối quan hệ với công ty...

Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần đưa số liệu vào và thao tác in ra. Chương trình kế toán có độ chính xác cao và hiếm khi thấy ra lỗi. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có những hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán có thể sử dụng một cách dễ dàng...

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán. Em xin giới thiệu một số phần mềm phổ biến hiện nay, công ty có thể lựa chọn phần mềm phù hợp với công ty mình như phần mềm kế toán máy **Fast accounting, Misa, phần mềm kế toán quản trị SAS INNOVA 6.8...**

+ **Phần mềm kế toán Fast accounting:** là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ..

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 7.300 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

Fast Accounting gồm có các phân hệ: Hệ thống, Kế toán tổng hợp, Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán bán hàng và công nợ phải thu, Kế toán mua hàng và công nợ phải trả, Kế toán hàng tồn kho, Quản lý TSCĐ, Quản lý CCLĐ, Báo cáo chi phí theo khoản mục, Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất liên tục, Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng, Kế toán giá thành công trình xây dựng, Báo cáo thuế, Báo cáo quản trị theo trường người sử dụng tự định nghĩa, Báo cáo quản trị theo thời gian, Báo cáo quản trị theo đơn vị cấp dưới, Thuế TNCN.

Giá : 10.000.000 đồng

Giao diện phần mềm kế toán Fast accounting:



Tính năng của phần mềm kế toán Fast accounting :

Quản lý số liệu đa tiền tệ. Fast Accounting cho phép quản lý đa tiền tệ. Mọi giao dịch đều có thể nhập và lưu theo đồng tiền giao dịch và được quy đổi về đồng tiền hạch toán. Cho phép người sử dụng lựa chọn cách tính tỷ giá ghi sổ theo phương pháp nhập trước xuất trước, trung bình tháng, trung bình di động, đích danh hoặc tỷ giá giao dịch. Khi thanh toán chương trình tự động tạo bút toán chênh lệch tỷ giá so với tỷ giá ban đầu khi xuất hóa đơn hoặc cho phép quy đổi về đồng tiền theo dõi công nợ trong trường hợp thanh toán bằng đồng tiền hạch toán (VNĐ). Cuối kỳ chương trình có các chức năng tính chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của từng tài khoản và của từng khách hàng/nhà cung cấp. Các báo cáo có thể được in ra theo đồng tiền hạch toán hoặc theo nguyên tệ và đồng tiền hạch toán. Chương trình cũng cho phép tùy chọn loại tỉ giá áp dụng là tỉ giá thuận (nhân) hoặc tỉ giá đảo (chia), thuận tiện trong một số trường hợp sử dụng đồng tiền hạch toán khác với đồng Việt Nam Đồng.

Quản lý số liệu của nhiều đơn vị. Fast Accounting cho phép quản lý số liệu

của nhiều đơn vị/bộ phận; cho phép lên báo cáo của từng đơn vị/bộ phận hoặc của toàn (tổng) công ty. Số liệu có thể được nhập ở nhiều nơi và chuyển về công ty mẹ.

Kết xuất báo cáo ra EXCEL hoặc tệp định dạng XML. Fast Accounting cho phép kết xuất báo cáo ra tệp theo đúng mẫu báo cáo.

Tính mềm dẻo. Fast Accounting cho phép nhiều lựa chọn khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù của từng doanh nghiệp: lựa chọn hình thức ghi chép sổ sách kế toán, lựa chọn phương pháp kiểm kê hàng tồn kho (theo kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ), lựa chọn cách tính giá hàng tồn kho và tính tỷ giá ghi sổ (giá trung bình tháng, giá trung bình di động, giá đích danh, giá nhập trước xuất trước, giá giao dịch), có các trường thông tin tự do để người dùng tự định nghĩa sử dụng để quản lý theo các yêu cầu đặc thù...

Khả năng bảo mật. Fast Accounting cho phép bảo mật bằng mật khẩu và phân quyền truy nhập chi tiết đến từng chức năng và công việc (đọc/sửa/xóa/tạo mới) trong chương trình cho từng người sử dụng. Chương trình có khả năng khóa số chi tiết đến từng loại chứng từ, theo dõi nhật ký người sử dụng.

Giao diện và báo cáo theo 2 ngôn ngữ Việt và Anh. Fast Accounting có giao diện và các báo cáo bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh và cho phép tùy chọn theo từng người sử dụng.

Môi trường làm việc. Fast Accounting có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ.

+ **Phần mềm kế toán Misa MISA SME.NET 2012** gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán quản lý mọi hoạt động kinh tế phát sinh của mình. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

Giá : 9.950.000 đồng



Một số điểm nổi bật của phần mềm kế toán MISA :

In hóa đơn theo nghị định 51 : Hỗ trợ doanh nghiệp tự tạo mẫu, phát hành, in và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP. Đáp ứng 3 hình thức hóa đơn: Hóa đơn tự in, Hóa đơn đặt in, Hóa đơn điện tử. Quản lý số hóa đơn hủy, mất, cháy, hỏng, xóa bỏ và tự động lập Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn.

Phân hệ quỹ : Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền mặt, ngoại tệ... của doanh nghiệp. Cho phép xem số tồn quỹ tại bất kỳ thời điểm nào.

Phân hệ ngân hàng : Lập và in các chứng từ như Séc, Ủy nhiệm chi... Kết nối trực tuyến với ngân hàng qua Internet để lấy số phụ và thanh toán

Phân hệ mua hàng : Đáp ứng nghiệp vụ mua hàng không qua kho, hàng mua trả lại, mua hàng nhập khẩu... Tự động phân bổ chi phí mua hàng, theo dõi công nợ chi tiết đến từng hóa đơn mua hàng.

Phân hệ bán hàng : Đáp ứng tất cả các nghiệp vụ bán hàng như hàng bán trả lại, giảm giá hàng bán... Tự động tính lãi nợ cho những khoản nợ quá hạn, in thông

báo công nợ đến từng khách hàng.

Phân hệ kho: Hỗ trợ tất cả các phương pháp tính giá xuất kho như Nhập trước xuất trước, Giá đích danh, Bình quân cuối kỳ và Bình quân tức thời. Quản lý nhập, xuất, tồn vật tư, hàng hóa theo mã quy cách như: số IMEI, số Serial Number, số khung, số máy, số SIM... Quản lý Công cụ dụng cụ hiệu quả: ghi tăng, điều chuyển, điều chỉnh, phân bổ, ghi giảm Công cụ dụng cụ.

Phân hệ tài sản cố định : Tự động tính khấu hao chi tiết đến từng TSCĐ. Tự động phân bổ chi phí khấu hao cho từng bộ phận, phòng ban, đối tượng tập hợp chi phí. Phản ánh chính xác tình hình tăng, giảm, đánh giá lại tài sản.

Phân hệ tiền lương : Chấm công và tính lương theo nhiều phương pháp: Lương thời gian, Lương cơ bản cố định. Tự động lập báo cáo theo dõi thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm và các khoản phải trích nộp của nhân viên. Theo dõi tạm ứng và thanh toán lương chi tiết theo từng nhân viên. Hỗ trợ nhiều hình thức trả lương: 1 kỳ/tháng hoặc 2 kỳ/tháng.

Phân hệ giá thành : Tự động lập bảng kê thuế đầu vào, đầu ra, tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt, thuế Giá trị gia tăng. In báo cáo có mã vạch theo tiêu chuẩn của Tổng cục thuế. Cho phép tích hợp chữ ký số, nộp hồ sơ khai thuế qua mạng

Phân hệ thuế : Tự động lập bảng kê thuế đầu vào, đầu ra, tờ khai... In báo cáo có mã vạch theo tiêu chuẩn của Tổng cục thuế

Phân hệ hợp đồng : Theo dõi tiến độ thực hiện các loại hợp đồng mua, bán. Theo dõi chi tiết doanh thu, chi phí, công nợ và lãi lỗ theo từng hợp đồng, nhóm hợp đồng

Phân hệ cổ đông : Quản lý sổ cổ đông, phát hành cổ phiếu, chia cổ tức. Cung cấp công cụ gửi thư, Email, SMS để gửi thông báo và liên lạc với cổ đông.

Phân hệ ngân sách : Lập kế hoạch thu, chi ngân sách, theo dõi các yêu cầu cấp kinh phí, phê duyệt yêu cầu và cấp phát ngân sách. Kiểm soát chi tiêu chặt chẽ, đặc biệt thích hợp với mô hình công ty đa chi nhánh, công ty mẹ - công ty con.

Phân hệ tổng hợp : Tổng hợp số liệu, kết chuyển lãi lỗ, lập báo cáo tài chính. Khoá sổ kế toán cuối kỳ.

+ Phần mềm quản trị doanh nghiệp SAS INNOVA 6.8

Phần mềm quản trị doanh nghiệp SAS INNOVA 6.8 là phiên bản mới nhất của Công ty SIS Việt Nam. Phiên bản đã được thiết kế theo quy định mới nhất của Bộ Tài Chính. Với sản phẩm này người dùng chỉ cần cập nhật các số liệu đầu vào phát sinh chương trình sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách ,báo cáo kế toán, phân tích tài chính, sản xuất kinh doanh. Qua thực tế sử dụng tại hơn 1000 doanh nghiệp lớn nhỏ với nhiều ngành nghề kinh doanh khác nhau, SAS INNOVA 6.8 đã chứng minh được tính hiệu quả ứng dụng. Nhiều khách hàng đã khẳng định sản phẩm đã giúp lãnh đạo doanh nghiệp, các phòng ban chức năng có được số liệu cập nhật tức thời của các khâu hoạt động, giúp họ có những nhận định thực tế trước khi ra quyết định. Các dữ liệu được lưu trữ trong một cơ sở dữ liệu thống nhất, có khả năng khai báo, phân tích, thống kê phục vụ cho công tác lập kế hoạch, hoạch định phương hướng sản xuất kinh doanh, phân tích đánh giá hiệu quả đầu tư.

Giao diện của phần mềm quản trị doanh nghiệp SAS INNOVA 6.8 :



Những điểm nổi bật của SAS INNOVA 6.8

Phương châm: SAS INNOVA 6.8 – Sản phẩm cho Cộng đồng Kế toán

Tính năng: SAS INNOVA 6.8 phát triển nhiều tính năng mới xuất phát từ yêu cầu đòi hỏi của người kế toán và nhà quản trị doanh nghiệp trong xử lý công việc thực tế hàng ngày.

Định nghĩa chuẩn các giao dịch phát sinh, người sử dụng chỉ việc lựa chọn các giao dịch hàng ngày để thực hiện mà không cần biết định khoản.

Phần mềm cho phép lựa chọn các chức năng hay sử dụng và đưa ra màn hình giúp người sử dụng nhanh chóng truy cập các chức năng hàng ngày.

Cho phép nhập dữ liệu nhanh chóng, giảm 90% thời gian với chứng từ số liệu tương tự (kế thừa các chứng từ tương tự hoặc giống nhau các thông tin với chức năng copy chứng từ).

Cho phép thực hiện các nghiệp vụ tạo và in Phiếu thu tiền, In Phiếu xuất kho ngay trên Hóa đơn bán hàng. Tương tự với Hóa đơn Mua hàng (Tạo và In Phiếu chi tiền).

Có hướng dẫn bằng hình ảnh và lời nói (Multi-Media).

Đưa vào trợ giúp Qui trình mẫu, Kiến thức thuế, kế toán, tài chính, các qui chế nội bộ.

Tính giá thành định mức các sản phẩm sản xuất.

Tích hợp Mã vạch 2 chiều để in Tờ khai thuế và Bảng kê thuế.

Quản lý số liệu theo nhiều đơn vị, nhiều xí nghiệp thành viên, nhiều mảng hoạt động.

Quản lý số liệu theo nhiều năm làm việc, cho phép xem số liệu liên năm (đặc biệt trong các công trình xây dựng và các dây chuyền sản xuất).

Theo dõi nhiều đơn vị tính của hàng hoá vật tư, cho phép tự động qui đổi đơn vị tính.

Thêm nhiều trường tự do để người dùng tự định nghĩa mà không cần nhà sản xuất phải chỉnh sửa.

Bổ xung thêm trạng thái của chứng từ nhằm mềm dẻo quá trình quản lý, giảm các khâu công việc chồng chéo, theo dõi được tình trạng xử lý của công việc, phản ánh chính xác tình trạng của công việc.

Phân quyền chương trình đến từng chức năng, từng thao tác của người sử dụng.

Hoàn thiện việc theo dõi dấu vết của người sử dụng, làm rõ trách nhiệm trong công việc.

Cho phép khấu trừ lùi thuế, tiện ích cho người sử dụng có thể tính thuế xuôi hoặc ngược.

Định khoản chênh lệch tỷ giá tự động.

Cho phép tự động xử lý các nghiệp vụ phân bổ chi phí mua hàng, chi phí sản xuất theo nhiều tiêu thức quản lý, tự động xử lý các bút toán kết chuyển trong kế toán tổng hợp... Tham số hoá chương trình, cho phép khai báo các thông số của hệ thống một cách mềm dẻo: các hình thức ghi sổ, khai báo tính giá thành, phương pháp tính giá vốn, các đồng tiền sử dụng trong hệ thống, v.v.

Quản lý được nhiều loại tiền tệ với tỷ giá thay đổi hàng ngày: VND, USD, EURO, ...

Khả năng sử dụng hai ngôn ngữ Anh-Việt song song.

Hệ thống từ điển chung thống nhất cho toàn hệ thống: danh mục đối tượng, danh mục tài khoản, danh mục hàng hoá, vật tư, ...

Đưa biểu tượng của một chứng từ, báo cáo nào đó mà hay sử dụng nhất ra ngoài màn hình khi mới vào chương trình.

Có thể tính giá vốn hàng mua về theo giá ngoại tệ.

Quản trị ngược – xuôi: Từ báo cáo tổng hợp bằng một phím có thể quay trở về báo cáo chi tiết, từ báo cáo chi tiết có thể sửa chứng từ gốc và ngược lại.

Chứng từ kho có thể tự động chọn loại khổ giấy A4 hoặc A5.

Sao chép dữ liệu và phục hồi theo từng thời gian, theo kế hoạch. Tự động hoặc thủ công.

Cập nhật thông tư, quyết định mới nhất của Bộ tài chính.

Báo cáo quản trị phong phú vừa chi tiết vừa tổng hợp theo nhiều chiều phục vụ tối đa công tác quản trị điều hành.

Trợ giúp người làm kế toán một qui trình thực hiện và các kiến thức liên quan đến kế toán và thuế.

Mỗi phần mềm kế toán đều có những tính năng ưu việt riêng, vì thế công ty nên dựa vào quy mô kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh của công ty, giá thành rẻ, dễ sử

dụng...để chọn lựa phần mềm kế toán phù hợp.Theo em công ty nên lựa chọn phần mềm kế toán Fast accounting bởi phần mềm này có giao diện dễ hiểu và có khả năng cập nhật khi hoạt động kinh doanh của công ty tăng trưởng.Fast Accounting cho phép bảo mật bằng mật khẩu và phân quyền truy nhập chi tiết đến từng chức năng và công việc (đọc/sửa/xóa/tạo mới) trong chương trình cho từng người sử dụng. Chương trình có khả năng khóa số chi tiết đến từng loại chứng từ, theo dõi nhật ký người sử dụng.

Giải pháp 4 : Chính sách áp dụng chiết khấu thanh toán

Việc quay vòng vốn luôn là vấn đề quan trọng của mỗi doanh nghiệp.Do vậy công ty nên áp dụng chính sách “ chiết khấu thanh toán” cho khách hàng thường xuyên có uy tín,luôn thực hiện hợp đồng thanh toán đúng và trước hạn.

- Tùy thuộc vào đối tượng và thời hạn thanh toán mà công ty có thể đưa những tỷ lệ phần trăm chiết khấu phù hợp nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành,tương đồng về quy mô,tình hình trả nợ trước hạn,tỷ lệ lãi suất của ngân hàng...

- Khi áp dụng 1 tỷ lệ nhất định sẽ ảnh hưởng đến tốc độ thu tiền đối với các khoản phải thu nhưng tỷ lệ chiết khấu sẽ làm giảm bớt lợi nhuận nên công ty cũng cần xem xét chi phí khoản phải thu có bù đắp thiệt hại do giảm lợi nhuận hay không?

- Khoản chiết khấu thanh toán sẽ áp dụng với khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước hạn quy định,khoản chiết khấu này được hạch toán vào TK 635-Chi phí tài chính.

Kết cấu TK635 :

Bên Nợ

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện)

- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán :

Nợ TK635 :khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng

Có TK131,111,112 :

Cuối cùng kết chuyển tổng các khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ :

Phương pháp hạch toán :

Nợ TK911 : Xác định kết quả kinh doanh

Có TK635 : Chi phí tài chính(khoản chiết khấu cho khách hàng)

3.2.4 Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ.

Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế,luật kinh tế tài chính doanh nghiệp,mà còn hiểu biết về phần mềm kế toán trong phân tích,phản ánh xử lý nghiệp kinh tế phát sinh tại đơn vị hàng ngày và lập BCTC.Hơn nữa nhân viên kế toán còn phải là người năng

động, nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc và hoàn thành tốt công việc được giao. Các nhân viên kế toán luôn phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

- Thực hiện đúng chế độ kế toán Nhà nước ban hành, áp dụng các chuẩn mực kế toán, tiến hành hạch toán theo đúng quy định.

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học sao cho phù hợp với đặc điểm, tính chất, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của công ty.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Kế toán với vai trò là thu thập, xử lý và cung cấp những thông tin kinh tế - Tài chính giúp các nhà quản lý doanh nghiệp đưa ra những quyết định quan trọng, kịp thời và chính xác cũng cần phải ngày một hoàn thiện hơn cho phù hợp với xu thế mới của nền kinh tế thị trường.

Vì vậy mỗi doanh nghiệp cần phải chú trọng quan tâm, hoàn thiện công tác kế toán nói chung và hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình để thích ứng với nền kinh tế thị trường có sức cạnh tranh ngày càng gay gắt. Đó là yếu tố hết sức cần thiết đối với bất kỳ doanh nghiệp nào tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ em cũng đã tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Cùng với sự giúp đỡ hết sức tận tình của Th.s.Nguyễn Thị Mai Linh và các anh chị kế toán tại Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ em đã hoàn tất khóa luận của mình. Qua khóa luận bằng sự kết hợp những kiến thức đã học ở trường với thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty em nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của công tác kế toán này. Do kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý và chỉ bảo của các thầy cô giáo.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày...tháng...năm...

Sinh viên

Trịnh Thị Hạnh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) Hệ thống tài khoản kế toán - Nhà xuất bản tài chính (Hà Nội - 2006)
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán - Nhà xuất bản tài chính (Hà Nội - 2006)
3. Giáo trình lý thuyết hạch toán kế toán - Nhà xuất bản tài chính (Hà Nội - 2007)
4. Các sổ sách chứng từ của Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ
5. Web: ketoanthucte.com.vn

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:.....	2
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:	2
1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
1.1.3 Các khái niệm cơ bản :	4
1.2 Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:.....	10
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	10
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	15
1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN.....	20
1.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	22
1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	24
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	26
CHƯƠNG II THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ	29
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Đỏ :.....	29
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	29
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty	30
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty :	32
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ	35

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ	35
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần đầu tư Sao Đỏ	39
2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty Cổ phần đầu tư Sao Đỏ	43
2.2.4 Kế toán doanh thu,chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần đầu tư Sao Đỏ	47
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ...	51
2.2.6 Thực trạng công tác kế toán Xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư Sao Đỏ :	51
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO ĐỎ.....	61
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ.....	61
3.1.2. Hạn chế.....	63
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ.....	64
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu,chi phí,xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ.....	64
3.2.2 Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu,chi phí,xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ.....	64
3.2.3. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ.....	65
3.2.4 Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư Sao Đỏ.....	82
KẾT LUẬN	84
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	85